TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ
LÊ THỊ DIÊN, NGUYỄN XUÂN CẨM, TRẦN MINH ĐỨC
DƯƠNG VIẾT TÌNH, NGUYỄN VIẾT XUÂN

KỸ THUẬT GÂY TRỒNG VÀ BẢO TỒN
một số loài cây thuốc nam

UYÊN
IỆU

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

CÂY CHÈ VẰNG

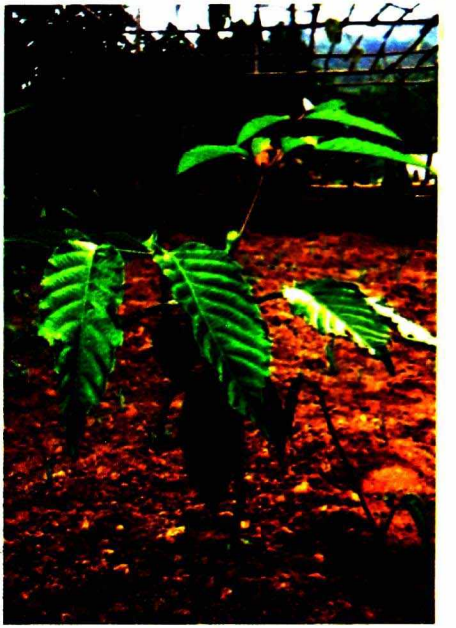

CÂY GỐI HẠC

CÂY Ý DĨ

CÂY THIÊN NIÊN KIỆN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM HUẾ
LÊ THỊ DIÊN, ĐỖ XUÂN CẨM, TRẦN MINH ĐỨC,
DƯƠNG VIẾT TÌNH, NGUYỄN VIẾT TUÂN

Kỹ thuật gây trồng và bảo tồn
MỘT SỐ LOÀI CÂY THUỐC NAM

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2006

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam với 3/4 diện tích tự nhiên là vùng đồi núi, chịu sự ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Chính điều kiện khí hậu và địa hình như vậy đã tạo nên cho đất nước chúng ta một hệ thực vật rừng phong phú và đa dạng, có nhiều loại gỗ và lâm đặc sản có giá trị cao, trong đó có các loài cây dược liệu. Tuy nhiên, người dân sống ở miền núi mới chủ yếu khai thác nguồn tài nguyên dược liệu từ tự nhiên, mà chưa quan tâm nhiều tới giải pháp phát triển chúng vì mục đích sử dụng bền vững.

Trên cơ sở kế thừa một số kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước về cây dược liệu cùng với việc tổng kết lại các nghiên cứu của nhóm, các tác giả của cuốn sách này mong muốn cung cấp cho người dân những thông tin về đặc điểm nhận biết, kỹ thuật gây trồng cũng như sơ chế một số loài cây thuốc nam có giá trị kinh tế nhằm giúp người dân có thể nâng cao được thu nhập từ rừng.

Mặc dù đã cố gắng biên soạn cuốn sách một cách dễ hiểu để người dân có thể sử dụng được, nhưng do đây là lần đầu tiên cuốn sách được xuất bản nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc.

Các tác giả

Phần thứ nhất
BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU

I. NHỮNG NHẬN THỨC CHUNG

1. Thế nào là bảo tồn và phát triển cây dược liệu

***1.1. Dược liệu*:** Là những vật chất có trong thiên nhiên được dùng làm nguyên liệu chế thuốc để phòng, chữa bệnh, bảo vệ và tăng cường sức khỏe con người.

- Dược liệu có thể có nguồn gốc từ: Thực vật; Động vật; Khoáng vật (trong cuốn sách này chúng tôi chỉ giới thiệu thực vật sử dụng làm thuốc, còn gọi là cây dược liệu/cây thuốc).

- Cây dược liệu có thể tồn tại và phát triển ở các trạng thái sau:

+ Mọc hoang dại trong tự nhiên (rừng, rú, lùm, bãi,...);

+ Được con người gây trồng (vườn, rẫy, dưới tán rừng...).

- Dạng sống và tuổi thọ của cây dược liệu có thể có là:

+ Thân thảo (cỏ): thường niên hoặc đa niên, có thể bao gồm thảo đứng, thảo bò, thảo leo, thảo ký sinh, phụ sinh,...;

+ Thân gỗ: bao gồm cây bụi (bụi đứng, bụi trườn,...), dây leo (phần lớn là cây đa niên), cây gỗ (đa niên);

+ Các dạng sống khác như quả thể nấm.

- Dạng phân bố (kiểu mọc của cây dược liệu trong rừng tự nhiên:

+ Mọc thành đám lớn (cỏ tranh, dây bìm,...);

+ Mọc xen kẽ từng đám nhỏ (vàng đắng, bướm bạc, thiên niên kiện,...);

+ Mọc rải rác mỗi nơi mỗi cây (củ mài, cẩu tích,...).

- Các cây dược liệu có thể sống ở các điều kiện môi trường khác nhau:

+ Có loài thích đất tốt (tơi xốp, giàu dinh dưỡng), nhưng cũng có loài chịu được đất xấu (bạc màu, tầng đất mỏng, chua...);

+ Có loài thích đất mát ẩm, nhưng cũng có loài chịu được khô hạn, sình lầy;

+ Có loài ưa sáng, nhưng cũng có những loài ưa bóng hoặc trung tính;

+ Có loài có khả năng tự chống đỡ, nhưng cũng có loài phải nương tựa vào thân cây khác.

- Bộ phận sử dụng của cây dược liệu có thể là:

+ Toàn cây;

+ Từng bộ phận của cây: (1) rễ/củ; (2) thân (vỏ, gỗ, toàn thân); (3) lá (hoặc cành và lá); (3) hoa/quả/hạt; (4) khác (nhựa, tinh dầu, tanin,...).

- Trạng thái vật liệu sử dụng làm thuốc:

+ Dùng tươi;

+ Qua sơ chế (phơi, sao, sấy khô);

+ Chế biến, bào chế kỹ (nghiền, ngâm, tẩm);

+ Tinh chế (chưng cất, chiết xuất, tái tổ hợp).

1.2. Bảo tồn cây dược liệu : Là hệ thống các hoạt động, các biện pháp (luật, chính sách, tổ chức, quản lý bảo vệ rừng, kỹ thuật...) nhằm duy trì, gìn giữ có hiệu quả sự tồn tại của cây dược liệu một cách lâu dài nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng trước mắt cũng như trong tương lai.

a) Các hình thức bảo tồn

- Bảo tồn tại chỗ (bảo tồn in situ): thực hiện ngay tại vùng sống tự nhiên của chúng;

- Bảo tồn chuyển chỗ (bảo tồn ex situ): thực hiện ngoài vùng sống tự nhiên thông qua các biện pháp nhân tạo như gây giống, nhân giống, lưu giữ giống cây dược liệu.

b) Các mức và quy mô bảo tồn

- Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, các trung tâm cứu hộ, các vườn thực vật, các ngân hàng giống,... Những việc làm này thường do Nhà nước tổ chức thực hiện;

- Thiết lập các dự án bảo tồn ở quy mô thôn bản do cộng đồng dân cư địa phương thực hiện;

- Các hoạt động bảo tồn riêng lẻ do hộ gia đình và cá nhân tự phát, tự nguyện thực hiện một cách độc lập.

c) Các hình thức tổ chức hoạt động bảo tồn

- Các tổ chức Nhà nước hay phi chính phủ (Ban quản lý rừng đặc dụng, các viện nghiên cứu, trường, trung tâm...);

- Các tổ chức quần chúng (các hội: Hội bảo tồn thiên nhiên, Hội dược liệu, Hội bảo tồn cây thuốc...);

- Các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, ấn phẩm...

1.3. Phát triển cây dược liệu : Là hệ thống các biện pháp nhằm đưa những cây dược liệu được lựa chọn từ trạng thái khan hiếm hoặc có nguy cơ suy thoái về trạng thái có số lượng dồi dào, chất lượng tốt, đáp ứng các yêu cầu về khai thác và sử dụng các giá trị mà chúng mang lại hiệu quả nhất.

a) Mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đều có thể tham gia các hoạt động hoặc tổ chức thực hiện việc phát triển cây dược liệu, xuất phát từ các cơ sở

- Các văn bản pháp luật (Luật Môi trường, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Đất đai, Nghị định số 163/1999/NĐ-CP, Nghị định số 02/CP, số 01/CP, Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg, Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg);

- Từ quy hoạch, dự án đầu tư phát triển của địa phương;

- Từ nhu cầu của thị trường và lợi ích kinh tế;

- Từ tiềm năng và các nguồn lực tại chỗ;

- Từ các nhu cầu và sở thích của hộ gia đình, cá nhân.

b) Đối tượng cây dược liệu phát triển cần xác định dựa trên nguyên tắc lựa chọn ưu tiên (chẳng hạn như tính hữu dụng, tính đặc biệt, tính nguy cấp)

- Việc lựa chọn các loài tốt nhất nên có sự tham gia của các bên liên quan như: người gây trồng, khách hàng (người thu mua, nhà buôn, thầy thuốc, cơ sở y tế có sử dụng dược liệu,...), nhà khoa học.

- Các loài cây được lựa chọn để phát triển có thể có nguồn gốc tại chỗ, cũng có thể là các loài được lấy giống từ nơi khác đến nhưng phải phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của địa phương.

c) Các biện pháp và kỹ thuật phát triển cây dược liệu

- Kỹ thuật nhân giống và gieo ươm, tái sinh;

- Kỹ thuật gây trồng (nông nghiệp, lâm nghiệp, nông lâm kết hợp);

- Kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ thực vật;

- Kỹ thuật khai thác, chế biến.

2. Tại sao phải bảo tồn và phát triển cây dược liệu

2.1. Giá trị của cây dược liệu

a) Giá trị làm thuốc

Cây dược liệu cung cấp dược phẩm để điều trị được nhiều loại bệnh khác nhau từ những bệnh thông thường, đến các bệnh mãn tính, hiểm nghèo, ngoài ra cây dược liệu còn có tác dụng phòng bệnh, bồi bổ sức khỏe.

b) Giá trị kinh tế

Nhiều loài cây dược liệu cung cấp sản phẩm hàng hoá cho các thị trường trong và ngoài nước, mang lại thu nhập cho người sản xuất và kinh doanh.

c) Giá trị sinh thái, môi trường

Tạo nên sự đa dạng về giống, loài và phòng hộ tốt, phát triển các loài có ích (ong mật) hoặc kìm hãm, tiêu diệt các loài gây dịch hại cho cây trồng, vật nuôi và con người (làm thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, diệt ruồi, muỗi).

d) Giá trị văn hóa và các giá trị khác

Nhiều loài cây vừa là cây dược liệu vừa là cây cảnh có giá trị hoặc là cây thực phẩm, gia vị rất quan trọng trong nhu cầu sử dụng hàng ngày của gia đình và xã hội.

2.2. Lợi ích của việc bảo tồn và phát triển cây dược liệu

a) Về mặt kinh tế

- Tăng thu nhập qua bán sản phẩm;
- Tăng hiệu quả sử dụng đất;
- Tiết kiệm chi phí thuốc chữa bệnh, thực phẩm.

b) Về mặt xã hội

- Tạo thêm việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo;

- Giúp đỡ /hỗ trợ người nghèo trong chữa bệnh;

- Tạo ra sản phẩm hàng hóa đặc biệt có tính xã hội cao;

- Tạo ra sự giao lưu giữa các vùng/miền và các nhóm dân cư nhờ đó có thể trao đổi chia sẻ kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực.

c) Về mặt sinh thái

- Duy trì được các nguồn lợi thiên nhiên lâu dài;

- Mở rộng được kích thước quần thể nhờ vậy mà giảm được các nguy cơ suy thoái;

- Góp phần bảo vệ môi trường và gìn giữ đa dạng sinh học.

2.3. Những yếu tố thường xuyên đe dọa sự tồn tại và làm suy giảm tài nguyên cây dược liệu

a) Khai thác sử dụng bất hợp lý

- Khai thác quá mức, khai thác kiệt quệ;

- Khai thác không đúng kỹ thuật;

- Chạy theo lợi ích cục bộ, lợi ích trước mắt.

b) Mục đích sử dụng đất

- Trồng rừng kinh tế (trồng rừng thuần loài, xử lý thực bì hay làm đất toàn diện);

- Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, cây nông nghiệp khác;

- Xây dựng các công trình (khu dân cư, đường sá, thủy lợi, thủy điện).

c) Thay đổi điều kiện sống

- Tán rừng bị mở trống hay khép tán kín;

- Đất bị suy thoái do mất rừng hoặc tầng thảm mục dày, chậm phân hủy, nhu cầu nước ở lớp đất mặt cao do sự phát triển của hệ rễ cây rừng;

- Môi trường sống (đất, nước, không khí...) bị ô nhiễm do các chất thải, phân vô cơ, thuốc trừ sâu, trừ cỏ.

d) Các yếu tố tự nhiên thường liên quan đến con người

- Cháy rừng (kể cả xử lý thực bì, vệ sinh vườn, đồng cỏ);

- Gia súc và động vật rừng phá hoại;

- Dịch sâu, bệnh gây hại;

- Thiên tai (hạn hán, ngập úng, vùi lấp, sạt lở);

- Bị chèn ép bởi loài xâm lấn, bành trướng.

e) Các nguyên nhân bên trong quần thể hoặc đặc điểm của loài

- Kích thước quần thể nhỏ, mật độ thấp;

- Khả năng tái sinh kém (ra hoa, quả, phát tán, nảy mầm);

- Sinh trưởng chậm;

- Biên độ sinh thái hẹp (loài "khó tính");

- Khả năng chống chịu kém, nhạy cảm với điều kiện bất lợi.

f) Sự mai một các tri thức, kiến thức bản địa

- Do sự cấm đoán, quy tắc của dòng họ, gia đình (thuốc giấu);

- Do chuyển giao thế hệ và các nguyên nhân khác.

3. Vai trò của cộng đồng dân cư, hộ gia đình trong việc bảo tồn và phát triển cây dược liệu

3.1. Cộng đồng dân cư có thể đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của cây dược liệu

- Thông qua hoạt động quy hoạch sử dụng đất;

- Thông qua việc lập kế hoạch sản xuất và hoạt động khuyến nông, khuyến lâm;

- Thông qua xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân;

- Thông qua việc tổ chức các hội, các câu lạc bộ, các nhóm sở thích, các tổ chức/nhóm tình nguyện;

- Thông qua các nhóm hoạt động theo dõi, giám sát việc khai thác và phát triển nguồn tài nguyên.

3.2. Hộ gia đình là "tai, mắt" trong việc tham gia giám sát các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên dược liệu ngoài thiên nhiên, góp phần đắc lực trong việc bảo vệ và phát triển cây dược liệu thông qua nhiều hoạt động

- Lưu truyền và phổ biến kinh nghiệm, kiến thức gia truyền, kiến thức bản địa về sử dụng khai thác và phát triển cây dược liệu;

- Bảo vệ cây thuốc dưới tán rừng, các hàng rào xanh, các đám cây hoang dại trong phạm vi quản lý;

- Gây trồng, trồng bổ sung cây dược liệu trên đất vườn, vườn rừng, dưới tán rừng được giao/khoán;

- Tuyên truyền vận động các thành viên trong gia đình, họ tộc và các thành viên khác tham gia bảo vệ phát triển cây dược liệu;

- Tiếp nhận, sưu tầm, tuyển chọn các giống/loài cây thuốc để thử nghiệm, gây trồng, lưu giữ nguồn giống.

3.3. Các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn có khả năng tham gia phối hợp trong hoạt động bảo tồn và phát triển cây thuốc

- Cơ sở y tế (công ty dược, bệnh viện, trạm xá các xã,...);

- Các trường học;

- Các cơ quan khuyến nông lâm;

- Các cơ sở lâm nghiệp (Chi cục phát triển lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, Lâm trường, Kiểm lâm);

- Các hội quần chúng (Hội nông dân, Hội làm vườn, phụ nữ, đoàn thanh niên,...);

- Các lương y, thương gia về dược liệu;

- Người già.

II. MỤC TIÊU, CÁC NGUYÊN TẮC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN CÂY DƯỢC LIỆU TẠI CỘNG ĐỒNG

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác bảo tồn và phát triển cây dược liệu nhằm góp phần cải thiện sinh kế và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, từng bước đưa cây dược liệu lên một vị thế mới trong cơ cấu thu nhập của người dân.

1.2. Các mục tiêu cụ thể

- Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về cây dược liệu;

- Lập được kế hoạch hành động kịp thời và lâu dài ở cấp cộng đồng;

- Tạo được việc làm và nguồn thu ngày càng tăng cho các hộ gia đình tham gia;

- Tăng sản lượng và chất lượng của các loài chủ yếu nhưng không tạo ra mâu thuẫn với các hình thức sử dụng đất khác hoặc làm suy thoái các loài tiềm năng hay quý hiếm khác.

2. Các nguyên tắc chính

2.1. Nguyên tắc ưu tiên

Bảo vệ được các nguồn tài nguyên dược liệu có nguồn gốc tự nhiên hiện có trên địa bàn thôn/xã. Trong đó chú ý các loài quý hiếm, các loài có giá trị, các loài đã và đang bị khai thác sử dụng quá mức cho phép.

2.2. Nguyên tắc tổng hợp

Gắn bảo tồn với phát triển tài nguyên cây dược liệu trên địa bàn. Kết hợp các quan điểm kinh tế, xã hội và sinh thái trong các hoạt động bảo tồn và phát triển, trong đó quan điểm về lợi ích kinh tế/sinh kế của người dân giữ vai trò chủ đạo; lồng ghép hoạt động này với các chương trình khác có liên quan.

2.3. Nguyên tắc tham gia

Hoạt động bảo tồn và phát triển cây dược liệu chỉ đạt được các mục tiêu đề ra khi có sự tham gia rộng rãi và thực sự của cộng đồng, hộ gia đình, tổ chức, cá nhân và các bên liên quan.

2.4. Các nguyên tắc phát huy nội lực

Phải huy động tối đa các tiềm năng sẵn có và nguồn lực tại chỗ trong hoạt động bảo tồn và phát triển cây dược liệu. Từng bước biến các giá trị của cây dược liệu thành một nguồn lực quan trọng để thực hiện nhiệm vụ. Các hỗ trợ từ bên ngoài nên được coi là yếu tố kích hoạt, xúc tác ban đầu hoặc chỉ là các hỗ trợ về mặt tri thức.

2.5. Nguyên tắc bền vững

Bên cạnh lợi ích trước mắt, sự chi phối của thị trường, cần luôn có quan điểm phát triển ổn định, lâu dài, chú ý thích đáng những lợi ích trong tương lai.

III. CÁC BIỆN PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU Ở QUY MÔ CỘNG ĐỒNG

1. Biện pháp tuyên truyền, vận động

1.1. Mục tiêu

Nâng cao ý thức, nhận thức cho mọi thành viên trong cộng đồng về giá trị và lợi ích của nguồn tài nguyên cây dược liệu, sự cần thiết phải bảo vệ và phát triển nguồn lợi này.

1.2. Các hoạt động

- Tổ chức nói chuyện, phổ biến thông tin về cây dược liệu;

- Xây dựng tủ sách, phòng thông tin (chiếu video, tranh ảnh, tiêu bản, mô hình...);

- Xuất bản tờ bướm, tờ rơi, tài liệu phổ cập với sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn;

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu theo chủ đề tại các trường học, hội quần chúng, câu lạc bộ...;

- Tham quan mô hình hoặc tổ chức các chuyến đi thực tế tìm hiểu ngoài thiên nhiên.

2. Biện pháp tổ chức

2.1. Mục tiêu

Xây dựng lực lượng nòng cốt, các thể chế, chính sách, các quy tắc cộng đồng nhằm phát huy yếu tố nội lực thông qua việc tăng cường sự tham gia của các thành phần, các bên liên quan trong và ngoài cộng đồng.

2.2. Các hoạt động

- Thành lập các tổ chức tình nguyện theo mạng lưới (hội, câu lạc bộ, nhóm sở thích) với sự tham gia của các hộ nông dân nòng cốt, đại diện các đoàn thể, trường học, trạm y tế và chính quyền thôn;

- Xây dựng các quy ước, các quy tắc cộng đồng về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên cây dược liệu trên địa bàn;

- Xây dựng cơ chế liên kết, phối hợp với các bên liên quan ở bên ngoài cộng đồng.

3. Biện pháp đào tạo

3.1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ và phát triển cây dược liệu cho lực lượng nòng cốt của cộng đồng về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết trong việc điều hành nhiệm vụ và ứng xử được với các tình huống nảy sinh trong quá trình hoạt động.

3.2. Các hoạt động chính

- Trang bị cho nhóm nòng cốt về phương pháp tập huấn "TOT";

- Tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ hiện trường và tuyên truyền viên (truyền thông);

- Tổ chức các đợt tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm cho nhóm nòng cốt;

- Xây dựng các mô hình điểm, mô hình trình diễn về bảo tồn và phát triển cây thuốc ngay tại cộng đồng thôn/xã.

4. Biện pháp kỹ thuật

4.1. Mục tiêu

Bảo đảm tính khoa học và thực tiễn cho các hoạt động bảo tồn và phát triển cây dược liệu ở tại hiện trường và sản phẩm sau thu hoạch.

4.2. Các hoạt động chính

- Điều tra thống kê, phân loại tài nguyên cây dược liệu trên địa bàn;

- Bình chọn loài, nhóm loài cây dược liệu cần ưu tiên bảo tồn và phát triển;

- Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật gây trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác, chế biến và sử dụng các loài cây dược liệu chủ yếu;

- Quy hoạch, thiết kế khu vực/hiện trường thực thi và lập kế hoạch hoạt động;

- Thực thi ngoài hiện trường, tại cơ sở chế biến và giám sát, đánh giá kết quả.

5. Biện pháp thu hút đầu tư

5.1. Mục tiêu

Thông qua việc thu hút và tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm tạo thêm nguồn lực từ bên ngoài góp phần thực hiện tốt những mục tiêu chính đề ra.

5.2. Các hoạt động

- Quảng bá rộng rãi những việc mà cộng đồng đã, đang hoặc dự định thực hiện;

- Tìm kiếm các đối tác, các nguồn tài chính với sự giúp đỡ của các chuyên gia;

- Mở các hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, hội thảo đa thành phần.

6. Biện pháp phát triển thị trường cây dược liệu

6.1. Mục tiêu

Xây dựng mạng lưới thị trường lâu dài và ổn định cho các sản phẩm chủ lực thu được thông qua các hoạt động bảo tồn và phát triển cây dược liệu nhằm tăng thu nhập và tái đầu tư mở rộng lâu dài.

6.2. Các hoạt động

- Thu thập thông tin và khảo sát thị trường;

- Giới thiệu sản phẩm (chào hàng, tham dự hội chợ);

- Tổ chức hội nghị khách hàng, ký kết các hợp đồng cung ứng với đối tác;

- Thương hiệu hóa các sản phẩm chủ lực;

- Xây dựng mạng lưới phân phối (đại lý, tổ hợp tác...).

IV. KỸ THUẬT PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN DƯỢC LIỆU

1. Biện pháp khoanh nuôi, phục hồi

Là biện pháp về cơ bản dựa trên khả năng tự phục hồi thông qua tái sinh tự nhiên của lớp thực vật trong điều kiện hạn chế tối đa những tác động bất lợi từ bên ngoài.

1.1. Đối tượng và điều kiện áp dụng

* *Đối tượng*

- Các loài cây có đời sống tương đối dài;

- Đối tượng: bao gồm rừng tự nhiên các loại, trảng cây bụi (Ib), trảng cây bụi có cây gỗ rải rác (Ic), các lùm bụi, dải cây dọc khe suối có diện tích nhất định, các đám cây phục hồi trên đất nương rẫy bỏ hóa,...

* *Điều kiện áp dụng*

- Mọc tương đối tập trung với mật độ khá cao;

- Có nguồn giống và khả năng tái sinh tốt;

- Các mối đe dọa từ bên ngoài có thể được ngăn chặn bằng biện pháp hành chính và kỹ thuật;

- Chiều hướng phát triển chung của các loài (diễn thế) phù hợp với yêu cầu phát triển của các loài mục đích;

1.2. Các nội dung kỹ thuật/biện pháp hành chính

- Khoanh vùng bảo vệ trên bản đồ và thực địa với hệ thống cọc mốc, đường biên giới và hệ thống biển báo;

- Thống kê và nếu có thể đánh dấu, định vị các cá thể, các đám cây cần bảo vệ;

- Nghiêm cấm các hành vi gây tổn hại cho cây dược liệu (thu hái, chặt củi, lấy bổi, phát dọn không chọn lọc, chăn thả gia súc, gây cháy rừng...);

- Thực hiện các biện pháp hỗ trợ (tỉa thưa, tra dặm, điều chỉnh mật độ, loại bỏ cây chèn ép, tạo giá thể leo bám, diệt trừ các loài gây hại);

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ (rào dậu, đào hào, lập đai cây xanh, đường băng cản lửa, vệ sinh rừng).

2. Biện pháp làm giàu/trồng bổ sung

Đây là biện pháp chủ yếu áp dụng cho đối tượng cây gỗ trong rừng tự nhiên nhằm tăng sản lượng của các loài cây mục đích mà không phá vỡ giá trị và lợi ích của lớp cây tự nhiên sẵn có, đồng thời giảm được chi phí so với trồng mới toàn diện. Với ý tưởng và cách làm này cũng có thể áp dụng cho các loài cây dược liệu hiện còn trong rừng tự nhiên (ví dụ: Re hương, Dó bầu, Ngũ gia bì,...).

2.1. Đối tượng, điều kiện áp dụng

** Đối tượng*

Trong quần thể tự nhiên đã có mặt loài đó nhưng số lượng còn ít so với yêu cầu.

* *Điều kiện áp dụng*

- Điều kiện sống của khu rừng phù hợp với loài;

- Có đủ nguồn giống bổ sung bằng gieo ươm;

- Có kỹ thuật và đủ nguồn lực (kinh phí, lao động, phương tiện..) để thực hiện;

- Không tạo ra mâu thuẫn về mục tiêu sử dụng rừng và đất rừng.

2.2. Các nội dung hoạt động

- Xác định đối tượng, số lượng và phương thức làm giàu;

- Gieo tạo cây con đủ số lượng, tiêu chuẩn;

- Xử lý hiện trường trồng theo phương thức đã chọn (như mở trống, tạo rạch, đào hố);

- Trồng và chăm sóc, bảo vệ;

- Nuôi dưỡng đối tượng mục đích, xử lý đối tượng chèn ép, kìm hãm sinh trưởng và phát triển.

3. Biện pháp trồng mới dưới tán rừng

Là biện pháp gây trồng hầu như toàn bộ các loài cây mục đích dưới tán rừng đã tạo ra một điều kiện hoàn cảnh phù hợp cho các loài đó.

3.1. Đối tượng và điều kiện áp dụng

* *Đối tượng:* Rừng tự nhiên hoặc rừng trồng đã tạo ra điều kiện sinh thái đặc trưng phù hợp với loài cây cần gây trồng.

* *Điều kiện áp dụng*

- Cây trồng là loài cây chịu bóng, cần sự hỗ trợ của tầng cây cao và không bị lớp cây này đào thải;

- Có đủ kinh phí và lao động chăm sóc, bảo vệ;

- Hiện trường dễ trông coi, bảo vệ và ít bị những tác động xấu từ bên ngoài (gia súc, khai thác trộm...) hay bên trong (sâu bệnh, thú rừng phá hoại...).

3.2. Các nội dung

- Xác định đối tượng, số lượng và phương thức làm giàu;

- Gieo tạo cây con đủ số lượng, tiêu chuẩn;

- Xử lý hiện trường trồng theo phương thức đã chọn (như mở trống, tạo rạch, đào hố);

- Trồng và chăm sóc, bảo vệ;

- Nuôi dưỡng, xử lý đối tượng chèn ép, kìm hãm sinh trưởng và phát triển. (nhưng mức độ và quy mô thường lớn hơn).

4. Biện pháp xây dựng vườn cây dược liệu

4.1. Vườn sưu tập

Là việc sưu tầm và gây trồng nhằm lưu giữ cùng một lúc nhiều loài cây dược liệu trên cùng một địa điểm với quy mô không quá lớn như rừng tự nhiên hoặc quá nhỏ như vườn nhà. Bao gồm cả những cây không phải nguồn gốc địa phương, những cây nằm ngoài danh sách lựa chọn để phát triển thành hàng hóa và những loài cây quý hiếm.

a) Mục tiêu

- Tạo lập vườn mẫu giúp cho việc nhận dạng loài cây dược liệu trong tự nhiên;

- Tìm hiểu đặc tính của loài cây thuốc và kỹ thuật bảo tồn, phát triển;

- Cung cấp vật liệu giống cho việc gây trồng khi có nhu cầu phát triển.

b) Đối t ượng có thể áp dụng

- Cơ sở y tế xã, các trường phổ thông trung học;

- Trường đại học có các chuyên ngành nông, lâm nghiệp, sinh học;

- Các viện y học dân tộc, cơ sở sản xuất và nghiên cứu thuốc nam;

c) Nội dung

- Lựa chọn địa điểm lập vườn sưu tập;

- Xác định quy mô và ranh giới;

- Điều tra hiện trạng khu đất dự kiến lập vườn (địa hình, đất đai, thực vật trong đó số lượng loài và cá thể cây dược liệu đã có...);

- Lập danh sách các loài cần sưu tập (bao gồm các loài đã có trong vườn, tại địa phương và các loài cần sưu tầm, dẫn giống từ nơi khác/địa phương khác);

- Thiết kế trồng/sưu tầm nguồn cây giống;

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ.

4.2. Vườn cây thuốc kinh tế

Là những vườn của cộng đồng hay hộ gia đình được lập ra để trồng những cây dược liệu có giá trị kinh tế và sử dụng cao nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa hoặc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ.

a) Mục tiêu

- Tạo việc làm và thu nhập cho chủ vườn;

- Tạo ra nguồn dược liệu hàng hóa đáp ứng nhu cầu xã hội;

- Kết hợp lưu giữ và nhu cầu sử dụng tại chỗ.

b) Nội dung

- Lựa chọn loài cây trồng (trong mối quan hệ: đất đai, khí hậu, đặc tính loài cây, thị trường tiêu thụ, giá trị kinh tế, mức độ thuận lợi về nguồn giống;

- Thiết kế kỹ thuật trồng:

+ Phương thức trồng (thuần loài, trồng xen, nông lâm kết hợp);

+ Phương pháp trồng (gieo hạt thẳng, cây con, hom);

+ Mật độ trồng và sự phối trí giữa các loài;

+ Tuần tự trồng và thời vụ trồng các loài;

+ Kỹ thuật làm đất, bón phân, xử lý thực bì.

- Trồng, chăm sóc, bảo vệ (tương tự như trong sản xuất nông hoặc lâm nghiệp);

- Kỹ thuật thu hoạch sản phẩm và lưu giữ hạt giống (nếu cần);

- Kỹ thuật sơ chế/chế biến sản phẩm;

- Tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch, nhu cầu.

5. Quản lý nguồn giống cây dược liệu

5.1. Mục tiêu

- Bảo đảm sự chủ động về nguồn giống tại chỗ đáp ứng nhu cầu phát triển cây dược liệu;

- Bảo đảm được nguồn giống có chất lượng tốt, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;

- Tạo thêm cơ hội bảo tồn đối với các loài quý hiếm.

5.2. Nội dung

- Xây dựng vườn giống và rừng giống;

- Chuyển hóa vườn/rừng kinh tế thành vườn/rừng giống;

- Khoanh giữ một số cá thể được tuyển chọn trong rừng hay trong vườn để lấy giống trong giai đoạn nhất định khi chưa có vườn giống;

- Gửi vào trạng thái tự nhiên (hoang dã hóa) một số loài có khả năng tự phát tán, tái sinh.

- Xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ, thu hoạch, chế biến bảo quản, gieo ươm và tiêu thụ/sử dụng nguồn giống gồm các việc như sau:

+ Thống kê địa điểm và số lượng cây giống, dự đoán sản lượng nguồn giống có thể cung cấp được;

+ Lập lịch thu hái giống cho từng loài;

+ Xây dựng cơ sở chế biến và bảo quản hạt giống;

+ Xây dựng hệ thống vườn ươm;

+ Lập mạng lưới tiêu thụ nguồn giống.

Ghi chú: Trong trường hợp sản xuất giống với mục đích kinh doanh cần tuân thủ những quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh giống, kiểm nghiệm chất lượng hàng hóa,...

Phần thứ hai
KỸ THUẬT TRỒNG MỘT SỐ LOÀI CÂY THUỐC NAM

BA KÍCH (*Morinda officinalis* How.)

Họ cà phê (Rubiaceae)

Tên khác: Dây ruột gà, Ba kích thiên.

Mô tả: Cây dây leo, sống nhiều năm, ngọn màu tím, có lông. Lá mọc đối, hình thuôn dài, có lông, lá kèm hình ống. Hoa nhỏ, màu trắng, mọc thành cụm ở kẽ lá. Quả tròn, khi chín màu đỏ.

Mùa hoa quả: Hoa: tháng 5-6; quả: tháng 7-12.

Phân bố: Cây mọc hoang ở rừng thứ sinh, vùng trung du và miền núi.

Đặc điểm sinh học

- Cây ưa sáng và chịu được bóng nhẹ, thích ẩm, mọc tốt dưới tán một số kiểu rừng thứ sinh.

- Thân, cành nảy chồi mạnh, trong tự nhiên ít gặp cây con tái sinh từ hạt.

- Sinh trưởng tốt trên đất nhiều mùn, tơi xốp, hơi chua, sinh trưởng mạnh vào mùa xuân.

Bộ phận dùng: Rễ.

Công dụng: Rễ có tác dụng bổ; chữa xuất tinh sớm, di mộng tinh, liệt dương, kinh nguyệt chậm hoặc bế kinh, phong thấp, huyết áp cao. Không dùng khi rong kinh, kinh sớm.

Cách trồng và chăm sóc

**** Kỹ thuật tạo cây giống***

Có 2 cách tạo cây giống là gieo ươm từ hạt và tạo cây con từ hom thân.

- Tạo cây giống từ hạt

+ Thu quả: Chỉ nên lấy giống từ những cây mẹ 3 năm tuổi trở lên. Khi thu hái chú ý chọn những quả chín đỏ.

Sau khi thu hái về, cho quả vào bao tải ủ trong vài ba ngày để vỏ quả chín nhũn ra đem chà xát và rửa thật sạch lớp thịt, đãi lấy hạt rồi đem hong hạt nơi râm mát cho ráo nước và khô. Sau khi chế biến hạt xong, nên sử dụng hạt để gieo ươm ngay.

+ Gieo hạt: Dùng vỏ bầu nilông có đường kính 5-7cm và chiều cao 12-15cm. Thành phần ruột bầu gồm 78% đất tơi nhỏ + 20% phân chuồng hoai + 2% phân lân. Đóng bầu xong xếp vào luống có gờ cao hơn mặt bầu. Dùng que chọc lỗ sâu 2cm rồi thả 3-4 hạt vào mỗi bầu, lấp kín đất. Cắm ràng che mặt bầu và tưới nước đủ ẩm.

Thời gian nuôi cây trong vườn cho đến khi xuất cây đem trồng là 6-7 tháng, cây con xuất vườn đạt chiều cao 20-25cm.

- Tạo cây giống từ hom

+ Chọn hom và cắt hom: Lấy hom ở thân cây mẹ 3 năm tuổi trở lên, lấy từ đoạn gốc lên đến hết phần bánh tẻ của thân, không lấy phần ngọn non. Chọn những đoạn thân hom có đường kính từ 3mm trở lên và có từ 1-3 lóng gồm 2-4 mắt. Mỗi đoạn hom cắt dài khoảng 25-35 cm và tỉa bỏ hết lá. Hom cắt đến đâu nên giâm ngay đến đó.

+ Thời vụ giâm hom vào vụ xuân hoặc vụ thu.

+ Kỹ thuật giâm: Chuẩn bị sẵn các luống nổi, đánh rạch sâu 10cm ngang trên mặt luống, rạch nọ cách rạch kia 30cm. Đặt hom vào rạch theo chiều nằm nghiêng 45^0, hom nọ cách hom kia khoảng 5cm rồi phủ đất mịn dày 2-3cm và nén chặt. Sau đó cắm ràng hoặc che phên trên luống và tưới đủ ẩm.

Cây hom giống được xuất vườn đem trồng khi chồi thứ cấp đạt chiều cao 20-25cm, có 5-6 cặp lá trở lên và rễ dài 5-7cm.

- Chăm sóc cây giống

Tưới đủ nước cho cây, thời gian đầu phải tưới hàng ngày vào lúc sáng sớm hoặc chiều tối. Khi cây đã mọc ổn định thì có thể cách 2-3 ngày tưới 1 lần. Lượng nước tưới cần đủ ẩm.

Làm cỏ phá váng định kỳ 7-10 ngày 1 lần cho cây con bằng bay để đảm bảo cho đất tơi xốp, thoáng khí. Khi cây có từ 3 cặp lá trở lên cần bón thúc bằng hỗn hợp 70-80% phân chuồng hoai + 20-30% phân lân.

Cây gieo hạt trong giai đoạn gieo ươm thường bị bệnh lở cổ rễ. Biện pháp phòng trừ là làm vệ sinh vườn thật tốt, không để nước đọng và rác tồn, không được dùng phân tươi. Khi thấy xuất hiện cây bệnh phải nhổ bỏ và đốt hết ngay, đồng thời phun toàn diện mặt luống bằng thuốc boócđô nồng độ 0,5% với liều lượng 1 lít/m^2.

**** Cách trồng***

- Chọn và làm đất:

+ Chọn nơi cao ráo (không đẫm nước), có màu mỡ, luôn ẩm.

+ Cuốc sâu, để ải, đánh nhỏ, làm luống cao 20-30cm, rộng 60cm (trồng 1 hàng) hoặc 1m (trồng 2 hàng).

+ Hốc trồng sâu 20cm, rộng 30cm, cách nhau 60cm. Lót mỗi hốc 500g phân chuồng hoai mục.

+ Thời vụ: tháng 3-4

+ Hom cắt đến đâu trồng đến đó, mỗi hốc 2-3 hom hoặc trồng bằng cây con đã được tạo từ hai phương pháp trên.

+ Đặt nghiêng hom, lấp đất chặt, chỉ để hở 1-3cm.

+ Phủ rơm rạ hoặc rác.

**** Chăm sóc***

- Thường xuyên tưới nước cho đất ẩm.

- Sau 6-7 tháng làm choái cho cây leo.

- Mỗi năm làm cỏ, xới xáo 1-2 lần.

- Năm thứ 2 có thể bón bổ sung khoảng 3kg phân chuồng hoai hoặc 0,3kg phân NPK cho mỗi gốc.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Đào quanh năm, tốt nhất vào mùa thu, đông;

- Rửa sạch, cắt bỏ rễ con, phơi hay sấy. Khi gần khô đập dẹt rồi phơi, sấy tiếp đến khô hẳn.

BÁCH BỆNH (*Eurycoma longifolia* Jack.)

Họ Thanh thất (Simaroubaceae)

Tên khác: Bá bệnh, Hậu phác, Tăng ê a rum, Run bê.

Mô tả: Cây nhỏ cao 2-8m. Lá kép lông chim lẻ gồm 10-35 đôi lá chét không cuống, lá chét hình trứng dài, dày, nhẵn hoặc có lông ở mặt dưới. Cuống hoa và bao hoa

phủ đầy lông màu rỉ sắt. Quả hạch màu đỏ, nhẵn, hơi thuôn dài, đầu tù và cong, mặt trong có lông thưa và ngắn, có một hạt, trên hạt có nhiều lông ngắn.

Mùa hoa quả: Tháng 3-11.

Phân bố: Cây mọc hoang phổ biến ở miền trung.

Đặc điểm sinh học

- Cây ưa bóng, thích ẩm.

- Sinh trưởng tốt trên đất nhiều mùn, tơi xốp.

Bộ phận dùng: Vỏ, quả, lá, rễ.

Công dụng: Vỏ dùng chữa những trường hợp ăn uống không tiêu, đau mỏi lưng. Quả dùng chữa lỵ. Lá dùng tắm ghẻ, lở ngứa.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng:*

- Tạo cây giống: Quả chín vào tháng 11, thu hái quả, đem ươm trên cát ẩm. Sau một thời gian khi hạt nảy mầm, đánh cây mầm ươm vào trong bầu. Thành phần bầu 1/2 đất thịt pha với 1/2 đất cát, nếu có phân giun càng tốt. Hàng ngày tưới nước đủ ẩm cho cây con. Sau 3 tháng cây con có thể xuất vườn đem trồng.

- Thời vụ trồng vào vụ xuân khi có mưa, đầu mùa mưa hoặc vụ thu.

+ Chọn những nơi đất ẩm, độ tàn che khoảng 0,5-0,6.

+ Làm đất theo hố, kích cỡ 30 × 30 × 30cm.

+ Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt.

+ Tủ cỏ, lá khô xung quanh gốc.

* *Chăm sóc:*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn, vun xới đất quanh gốc cây rộng 0,5-0,8m.

- Điều tiết độ tàn che từ 0,5-0,6.

BÁCH BỘ (*Stemona tuberosa* Lour.)

Họ Bách bộ (Stemonaceae)

Tên khác: Dây ba mươi, Dây đẹt ác.

Mô tả: Cây dây leo bằng thân quấn, dài 6-8m. Rễ củ nhiều, mập, nạc, hình trụ, mọc thành khóm dày. Thân nhẵn, hình trụ, màu lục nhạt, hơi phình lên ở những mấu. Lá mọc đối hay so le, đầu lá thuôn nhọn, phiến lá hình tim, gân chính hình cung, gân phụ ngang, nhỏ, chạy song song, sít nhau. Hoa mọc ở kẽ lá, màu vàng lục, mặt trong đỏ tía, có mùi hôi. Quả nang, nhiều hạt.

Mùa hoa quả: Hoa tháng 3- 5; quả tháng 6-8.

Phân bố: Cây mọc hoang ở miền núi.

Đặc điểm sinh học:

- Cây ưa ẩm, chịu bóng, thường mọc lẫn và leo lên các loại cây gỗ, cây bụi, dây leo khác ở ven rừng.

- Ưa những nơi đất tốt, nhiều mùn, gần nguồn nước.

- Cây sinh trưởng mạnh vào mùa nóng ẩm và có thể rụng lá vào mùa đông.

Bộ phận dùng: Rễ củ.

Công dụng: Củ bách bộ có vị ngọt, đắng, tính hơi ấm, có tác dụng kháng khuẩn, long đờm. Chữa ho, ghẻ lở, giun đũa, giun kim và diệt sâu bọ.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng:*

- Chọn đất ẩm, thoát nước, nhiều mùn.

- Nguồn giống: từ hạt hoặc chồi gốc. Tốt nhất bằng chồi gốc.

- Thời vụ: trồng vào vụ xuân khi có mưa, đầu mùa mưa hoặc vụ thu.

+ Trồng theo hố hoặc theo rạch rộng 0,8-1m.

+ Làm đất theo hố, kích cỡ 30 × 30 × 30cm.

+ Hom cắt đến đâu trồng đến đó, mỗi hốc 2-3 hom.

+ Đặt nghiêng hom, lấp đất chặt, chỉ để hở 1-3cm.

+ Phủ rơm rạ hoặc rác.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn, vun xới đất quanh gốc cây rộng 0,5-0,8m.

- Khi cây cao khoảng 20cm làm cọc cho cây leo.

- Điều tiết độ tàn che từ 0,4-0,5.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hoạch quanh năm, tốt nhất vào mùa thu.

- Rửa sạch, cắt bỏ hai đầu, đem đồ vừa chín hay nhúng nước sôi.

- Loại nhỏ để nguyên, loại to bổ dọc đôi, phơi nắng hay sấy ở nhiệt độ 50-60°C đến khô.

BÌNH VÔI (*Stephania rotunda* Lour.)

Họ Tiết dê (Menispermaceae)

Tên khác: Củ một, Dây mối trơn.

Mô tả: Cây dây leo, dài 2-6m. Rễ phình to thành củ nạc, có khi nặng tới 50kg. Lá mọc so le, có cuống dài, phiến mỏng hình khiên hoặc tam giác gần tròn. Hoa nhỏ, khác gốc, màu vàng cam tụ tập thành tán kép. Quả hình cầu dẹt, khi chín màu đỏ, một hạt, hình móng ngựa, có gai.

Mùa hoa quả: Tháng 2 - 6.

Phân bố: Cây mọc hoang chủ yếu ở núi đá vôi.

Đặc điểm sinh học

- Ưa khí hậu mát, đất ít chua, thành phần cơ giới trung bình, tơi xốp và thoát nước tốt.

- Thường gặp ở rừng thứ sinh nghèo kiệt, trảng cỏ cây bụi có cây gỗ rải rác.

Bộ phận dùng: Rễ củ.

Công dụng: An thần, gây ngủ, chữa nhức đầu, sốt nóng, đau dạ dày, ho, hen. Ngày 3-6g, dạng bột hoặc rượu thuốc.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn đất ẩm, thoát nước, ít chua.

- Nguồn giống: Thu hái quả lúc bắt đầu chín, hong trong râm nơi khô ráo, thoáng mát. Xát nhẹ tách vỏ, loại bỏ tạp vật rồi đem gieo ngay.

- Ngâm hạt vào nước ấm (3 sôi, 2 lạnh) trong 15-30 phút. Vớt ra để ráo nước, đem gieo theo rạch cách nhau 20-25cm, sâu 5-6cm. Dùng đất mịn lấp kín hạt và tưới đủ ẩm. Cắm ràng hoặc phên che bóng 30-40%. Làm cỏ và xới xáo thường xuyên.

- Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Cao 10-15cm, có 3-4 lá, không sâu bệnh.

- Thời vụ trồng: Vụ xuân khi có mưa phùn hoặc đầu mùa mưa hoặc vụ thu.

- Trồng theo hố hoặc theo rạch rộng 0,8-1m.

- Làm đất theo hố, kích cỡ 30 × 30 × 30cm.

- Trồng bằng cây con rễ trần nhưng phải giữ được đất tự nhiên bao quanh rễ. Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt. Cào đất vun lấp đầu cao hơn miệng hố 5-6cm. Tủ cỏ, lá khô kín mặt hố.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn, vun xới đất quanh gốc cây rộng 0,5-0,8m.

- Làm cọc cho cây leo.

- Điều tiết độ tàn che từ 0,4-0,5.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hoạch sau khi trồng từ 3-4 năm. Thu hoạch quanh năm.

- Đào lấy củ, rửa sạch, cạo hết vỏ đen, thái mỏng, phơi khô, có thể ngâm rượu hoặc sắc thuốc uống hoặc làm nguyên liệu điều chế Rotundin.

BỒ BỒ (*Adenosma indianum* (Lour.) Merr.)

Họ Hoa mõm chó (Scrophulariaceae)

Tên khác: Chè đồng, Chè nội, Chè cát, Chè trạng, Nhân trần.

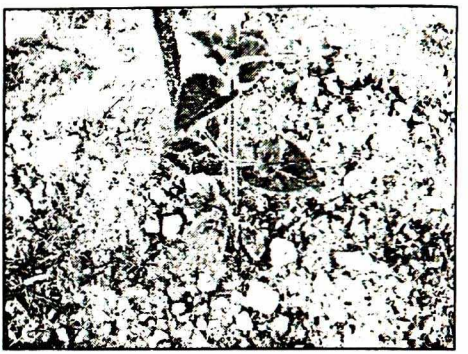

Mô tả: Cây cỏ, sống một năm, cao 20-60cm; cành non có lông, sau nhẵn. Lá mọc đối, có cuống ngắn, hình mác, mép khía răng, có lông. Hoa nhỏ, màu tím mọc tụ tập thành hình đầu ở ngọn. Quả nang, nhiều hạt nhỏ. Toàn cây có tinh dầu thơm.

Mùa hoa quả: Tháng 4 - 7.

Phân bố: Cây mọc hoang ở ven đồi, bờ ruộng ở miền núi.

Đặc điểm sinh học

- Mọc hoang ven đồi, bờ ruộng ở miền núi và vùng cát.
- Chịu hạn tốt, ưa sáng, chịu được đất hơi chua.

Bộ phận dùng: Toàn cây, trừ rễ.

Công dụng: Kháng khuẩn, lợi mật, lợi tiểu, kích thích tiêu hóa. Dùng chữa viêm gan do virus, các chứng vàng da, tiểu tiện ít, vàng đục, sốt, nhức mắt, chóng mặt, phụ nữ kém ăn sau khi đẻ. Ngày dùng 10-20g, dạng thuốc sắc, cao, xirô, viên.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Thu hạt vào tháng 7.
- Gieo thẳng trên các luống đất tơi xốp, đủ ẩm.

** Chăm sóc*

- Thường xuyên tưới nước cho đất ẩm.

- Làm cỏ, xới xáo.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hái vào mùa hạ.

- Thu hái khi cây đang có hoa, rửa sạch, phơi trong bóng râm đến khô.

BỒ CÔNG ANH (*Lactuca indica* L.)

Họ Cúc (Asteraceae)

Tên khác: Mũi mác, Diếp dại, Rau bao.

Mô tả: Cây cỏ, sống một năm, cao 0,5-1m. Thân cây thường không có cành và mọc thẳng đứng. Lá mọc so le, không cuống, xẻ thùy hẹp và sâu, mép khía răng; lá ngọn ít xẻ. Hoa nhỏ màu vàng, hình đầu. Quả bế, có túm lông.

Mùa hoa quả: Tháng 6-8.

Phân bố: Cây mọc hoang ở khắp nơi, trên các bãi trống và ruộng bỏ hoang,...

Bộ phận dùng: Toàn cây, trừ rễ.

Công dụng: Thuốc giải độc, tiêu viêm, dùng trong trường hợp sưng vú, tắc tia sữa, mụn nhọt, đinh râu, áp xe. Còn chữa đau dạ dày, ăn kém tiêu. Ngày dùng 8-20g, dạng thuốc sắc, cao, xirô. Phối hợp với nhiều thuốc khác để dùng ngoài, lá tươi giã nát, đắp.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Bồ công anh phát tán quả nhờ gió nên cây mọc hoang rất nhiều.

- Vào tháng 1-2 khi cây còn nhỏ có thể đánh cây và trồng cây ở những luống thấp. Sau 2-3 tháng có thể thu hoạch.

* *Chăm sóc*

- Bồ công anh không chịu được ngập úng. Nếu được làm cỏ và bón phân thì năng suất sẽ đạt rất cao.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hái vào đầu mùa hạ.

- Thu hoạch khi cây phát triển đầy đủ lá, tức là lúc cây vừa chớm có hoa.

- Nếu thu hoạch lá làm nhiều lần thì phải hái từ dưới lên trên cho tới khi hết lá.

- Loại bỏ lá xấu, lá già vàng úa. Dùng tươi hoặc phơi nắng, sấy nhẹ đến khô rồi bảo quản nơi khô ráo.

BỔ BÉO (*Gomphandra tonkinensis* Gagnep.)

Họ Thụ đào (Icacinaceae)

Tên khác: Bùi béo, Béo trắng, Tiết hùng, Lô nội.

Mô tả: Cây nhỏ, cao 2-4m; cành non có lông mịn. Rễ củ nạc. Lá mọc so le, hình mác, mép nguyên, mặt dưới có nhiều lông mịn. Cụm hoa hình ngù kép, mọc đối diện với lá; hoa nhỏ, màu trắng. Quả hình thoi, đài tồn tại, có lông.

Mùa hoa quả: Tháng 5-9.

Phân bố: Cây mọc hoang ở rừng núi.

Đặc điểm sinh học

- Ưa ẩm, chịu bóng.

- Mọc rải rác lẫn với nhiều cây bụi và dưới tán rừng.

- Tái sinh bằng hạt.

Bộ phận dùng: Rễ.

Công dụng: Bồi dưỡng, kích thích ăn ngon, lợi sữa, nhuận tràng, lợi tiểu, uống lâu ngày người béo khỏe. Ngày dùng 10-20g dưới dạng thuốc sắc, rượu thuốc, tán bột hoặc trộn với mật làm viên.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn và làm đất: Đánh cỏ, cuốc hốc cách hốc 1m, lót phân, phủ đất.

- Giống: Hạt.

- Trồng: Gieo hạt trực tiếp vào hốc.

* *Chăm sóc*

Làm cỏ, vun gốc, theo dõi phát hiện sâu bệnh hại để tìm biện pháp phòng trừ thích hợp.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch quanh năm, tốt nhất vào mùa thu.

- Đào về, rửa sạch, thái mỏng, ngâm nước vo gạo 24 giờ, phơi hoặc sấy khô.

BỒNG BỒNG (*Dracaena angustifolia* Roxb.)

Họ Huyết giác (Dracaenaceae)

Tên khác: Bòng bòng, Nam tỳ bà.

Mô tả: Cây thân thảo, cao 1-3m, lá tập trung ở ngọn thân, sẹo lá trên thân rõ, lá hẹp ôm lấy thân, dài 20-30cm, rộng 1,2-4cm, thon, đầu dạng mũi. Hoa hình ống, ngoài màu lam, trong màu trắng, xếp 1-3 thành chùy ở ngọn dài hơn 40cm. Quả mọng, hình cầu, chứa 1-2 hạt.

Mùa hoa quả: Tháng 2-4

Phân bố: Cây mọc hoang, rải rác thành từng bụi ở chân đồi, ven đường đi hoặc các bãi đất hoang.

Đặc điểm sinh học:

- Ưa sáng, chịu nóng và khô hạn, nhưng thích ẩm và thoát nước.

- Cây sống nhiều năm, sinh trưởng mạnh vào mùa nắng.

- Tái sinh mạnh bằng hạt và chồi.

Bộ phận dùng: Rễ.

Công dụng: Ngâm rượu hoặc nấu uống bổ, khỏe người.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

+ Cày xới và đánh nhỏ đất, nhặt sạch cỏ, lên luống.

+ Cuốc hố sâu 25-30cm, lót phân (khoảng 300g phân chuồng hoai mục/hố), lấp đất.

- Giống: Chọn cành bánh tẻ cắt thành từng hom dài 25-30cm, hoặc có thể bứng cây tái sinh đem trồng.

- Trồng vào mùa xuân.

+ Cắm hom chếch 45^0, lấp đất kín 2/3 hom và nén chặt; tủ gốc. Trồng 2 hàng so le, hom cách hom 20-25cm.

+ Tưới nước đủ ẩm. Khoảng 15-20 ngày hom nảy chồi.

** Chăm sóc*

- Sau khi chồi phát triển, vào những ngày nắng hạn cần tưới đủ ẩm.

- Suốt quá trình cây sinh trưởng cần theo dõi để bắt sâu xanh hại lá.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch quanh năm.

- Đào rễ về, rửa sạch, thái mỏng, ngâm với rượu hoặc nấu nước uống.

BƯỚM BẠC (*Mussaenda pubescens* Ait. f.)

Họ cà phê (Rubiaceae)

Tên khác: Bươm bướm, Hoa bướm.

Mô tả: Cây bụi, cành non có lông mịn. Lá nguyên, mọc đối, có lá kèm hình sợi. Cụm hoa hình xim ngù mọc ở đầu cành, màu vàng, hoa

vàng, hoa có 5 lá đài, trong đó có 1 lá phát triển, màu trắng, mềm, gân nổi rõ, có cuống dài. Quả mọng, màu đen, có gân dọc trên quả. Có nhiều hạt nhỏ, màu đen.

Mùa hoa quả: Hoa: tháng 5-6; quả: tháng 7-10.

Phân bố: Cây mọc hoang ở khắp nơi.

Đặc điểm sinh học

- Cây ưa sáng.

- Thường mọc thành bụi xen lẫn với nhiều loài cây bụi khác ở chân đồi núi, nơi quang đãng hoặc ven rừng.

- Cây sống nhiều năm.

- Tái sinh mạnh bằng hạt và chồi.

Bộ phận dùng: Toàn cây.

Công dụng: Lợi tiểu; chữa ho, hen, sốt cách nhật, viêm tấy, gẫy xương; giảm đau; chữa tê thấp, khí hư bạch đới.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn và làm đất:

+ Chọn những nơi thoáng đãng, thường ven rừng, ven đồi hoặc ven đường đi, chỗ trống trong rừng.

+ Làm đất theo hố, kích thước 30 × 30 × 30cm, hố cách hố 50cm.

- Giống: Hạt và cành.

- Trồng vào mùa xuân hoặc thu.

+ Gieo hạt trực tiếp hoặc trồng từ hom. Hom cắt đến đâu trồng đến đó, cắm chếch 45^0, lấp đất kín 2/3 hom và nén chặt, tủ gốc.

** Chăm sóc*

Mỗi năm làm cỏ, xới xáo 1-2 lần.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hái quanh năm.
- Thu hái về phơi hay sấy khô để dành, không phải chế biến.

CHÈ DÂY (*Ampelopsis cantoiensis* (Hook. et Arn.) Planch.)

Họ Nho (Vitaceae)

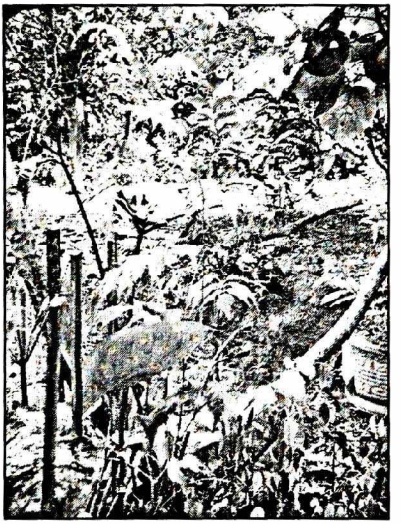

Mô tả: Dây leo nhờ tua cuốn mọc đối diện với lá, chia 2-3 nhánh. Cành hình trụ mảnh. Lá kép 2-3 lần, mang 7-12 lá chét mỏng, giòn, mép có răng; 4-5 đôi gân bên; lá kèm phần trên. Hoa tập hợp thành ngù, nụ hoa hình trứng. Quả mọng hình trái xoan, màu đen, chứa 3-4 hạt.

Mùa hoa quả: Hoa tháng 6, quả tháng 10.

Phân bố: Mọc hoang dại dọc theo lùm bụi ở nhiều nơi.

Đặc điểm sinh học

- Ưa sáng, thích ẩm, chịu bóng nhẹ.
- Dây leo cuốn.

- Mọc thành bụi trườn xen lẫn với nhiều cây bụi khác ở ven rừng, đồi núi.

Bộ phận dùng: Dây lá.

Công dụng: Nấu nước uống thay chè. Bào chế thành dạng cao khô để trị loét dạ dày, hành tá tràng.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn và làm đất:

+ Chọn những nơi thoáng đãng, đất tương đối tốt, đất thịt xốp, thấm nước nhanh, thường ven rừng, ven đồi hoặc ven đường đi, chỗ trống trong rừng.

+ Làm đất theo hố, kích thước 30 × 30 × 30cm.

- Giống: Cắt hom bánh tẻ có đường kính từ 0,6-0,8cm, chiều dài hom từ 20-25cm, giâm trong cát đợi khoảng 15-20 ngày hom ra rễ, bứng ra giâm vào bầu có thành phần 1/2 đất cát pha lẫn 1/2 đất thịt. Cây con được khoảng 3 tháng khi chồi mới nảy có chiều dài khoảng 2-5cm có thể đem trồng.

- Trồng vào mùa xuân hoặc thu.

+ Đào đất từ hố đã đào sẵn, đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt.

+ Tủ cỏ, lá khô xung quanh gốc.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Làm cọc cho dây leo.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hoạch quanh năm.
- Có thể dùng tươi hay phơi khô.

CHÈ VẰNG (*Jasminum subtriplinerve* Blume)

Họ Nhài (Oleaceae)

Tên khác: Vằng, Chè cước nam, Cây dâm trắng, Dây cẩm văn.

Mô tả: Cây bụi leo. Thân cứng, chia làm nhiều đốt, thân và cành đều nhẵn. Lá mọc đối, hình mũi mác, phía cuống tù hay hơi tròn, đầu lá nhọn, mép nguyên, có 3 gân rõ rệt. Hoa mọc thành hình xim, cánh màu trắng. Quả hình cầu, khi chín có màu vàng, có một hạt.

Mùa hoa quả: Tháng 7-10.

Phân bố: Cây mọc hoang ở khắp nơi.

Đặc điểm sinh học

- Ưa sáng, thích ẩm, chịu bóng nhẹ.
- Dây leo cuốn vươn cao, sống nhiều năm.
- Mọc thành bụi trườn xen lẫn với nhiều cây bụi khác ở ven rừng, đồi núi.

Bộ phận dùng: Lá, rễ.

Công dụng: Làm thuốc chữa nhiều bệnh, nấu nước uống sau khi sinh, chữa sưng vú, rắn cắn. Có nơi còn nấu nước tắm cho trẻ con bị ghẻ lở.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn và làm đất

+ Chọn những nơi thoáng đãng, đất tương đối tốt, đất thịt xốp, thấm nước nhanh, thường ven rừng, ven đồi hoặc ven đường đi, chỗ trống trong rừng.

+ Làm đất theo hố, kích thước 30 × 30 × 30cm.

- Giống: Cắt hom bánh tẻ có đường kính từ 0,6-0,8cm, chiều dài hom từ 20-25cm, giâm trong cát đợi khoảng 15-20 ngày hom ra rễ, bứng ra giâm vào bầu có thành phần 1/2 đất cát pha lẫn 1/2 đất thịt. Hàng ngày tưới nước đủ ẩm. Cây con được khoảng 3 tháng có thể đem trồng.

- Trồng vào mùa xuân hoặc thu.

+ Đào đất từ hố đã đào sẵn, đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt.

+ Tủ cỏ, lá khô xung quanh gốc.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Làm cọc cho dây leo.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hoạch quanh năm.

- Có thể dùng tươi hay phơi khô để dành.

CỦ MÀI (*Dioscorea persimilis* Prain et Burkill)

Họ Củ nâu (Dioscoreaceae)

Tên khác: Khoai mài, Sơn dược, Hoài sơn, Chính hoài.

Mô tả: Cây dây leo, thân nhẵn. Rễ củ đơn độc hoặc đôi một, to và hơi dẹt, tròn đầu, mọc ăn sâu trong đất. Thân thường mang hành dạng củ ngắn ở kẽ lá. Lá mọc so le hay mọc đối, hình tim. Hoa mọc thành chùm ở kẽ lá, màu vàng. Quả nang, có 3 cánh. Hạt có cánh mào.

Mùa hoa quả: Tháng 5-10.

Phân bố: Cây mọc hoang ở miền núi và được trồng để lấy củ.

Đặc điểm sinh học

- Ưa ẩm, không chịu úng, khả năng chịu hạn kém.

- Phân bố tự nhiên trên các dạng đất rừng còn tương đối tốt, hàm lượng mùn và đạm khá, đất thịt, tầng đất dày, không hoặc rất ít đá lẫn, không bị úng nước.

- Giai đoạn nhỏ cây có khả năng chịu bóng, có thể tái sinh tự nhiên dưới tán rừng có độ tàn che 0,3-0,5. Khi cây lớn nhu cầu ánh sáng tăng dần, do vậy cây phải leo lên tầng trên của tán rừng để có đầy đủ ánh sáng.

Bộ phận dùng: Rễ củ.

Công dụng: Bổ, hạ nhiệt; chữa ăn kém tiêu, gầy yếu, viêm ruột mãn tính, ỉa chảy và lỵ mãn tính, di tinh, khí hư, tiểu đường,

đi tiểu nhiều lần, hoa mắt, chóng mặt, hư lao. Có thể đắp ngoài trị mụn nhọt.

Cách trồng và chăm sóc

** Cách trồng*

- Chọn đất tương đối tốt, đất thịt xốp, thấm nước nhanh, không bị úng, đất đủ ẩm quanh năm.

- Nguồn giống: trồng bằng gốc rễ hoặc hành.

- Trồng: vào mùa xuân.

+ Làm đất theo hố với kích thước 40x40x40cm.

+ Đào hố 1 tháng trước khi trồng, lấp đất mùn trộn phân chuồng hoai gần đầy miệng hố.

+ Đào 1 lỗ giữa hố, đặt gốc rễ, lấp đất chừa 1 phần gốc rễ lộ trên mặt đất, nếu trồng bằng dái mài thì mỗi hố trồng 2 củ dái mài, lấp đất kín. Nén chặt xung quanh gốc. Phủ một lớp đất mịn cao hơn mặt hố khoảng 5cm, sau đó phủ lớp thảm mục hoặc rơm rạ lên kín miệng hố.

** Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Làm cọc cho cây leo.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hoạch vào mùa hạ, thu hoặc đông khi cây tàn lụi.

- Đào củ về, rửa sạch, gọt vỏ, ngâm nước phèn chua từ 2-4 giờ cho bớt nhớt, sau đó xông diêm sinh 48 giờ rồi phơi khô.

- Chú ý củ đào về phải được chế biến trong vòng 3 ngày.

ĐINH LĂNG
(*Polyscias fruticosa* (L.) Harms.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Tên khác: Cây gỏi cá, Nam dương lâm.

Mô tả: Cây bụi, cao 0,5-1,5m. Lá kép 3 lần lông chim, mọc so le, cuống lá có bẹ, mép khía răng. Hoa nhỏ, màu trắng xám, mọc thành chùm tụ tán ở đầu cành. Quả hình cầu dẹt. Toàn cây có mùi thơm.

Mùa hoa quả: Tháng 4-7.

Phân bố: Cây được trồng ở nhiều nơi để làm cảnh, lá làm gia vị, rễ làm thuốc.

Đặc điểm sinh học

- Ưa sáng, ưa đất cao ráo, hơi ẩm, màu mỡ, thoát nước.
- Tái sinh dinh dưỡng mạnh.

Bộ phận dùng: Rễ, lá.

Công dụng: Chữa cơ thể suy nhược, tiêu hóa kém, sốt, nhức đầu, sưng vú, ít sữa, ho, ho ra máu, tiểu ít, thấp khớp, đau lưng.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn đất và làm đất: Chọn đất màu mỡ, cao ráo, hơi ẩm, xốp. Đánh cỏ, cuốc hố cách nhau 3 m, kích thước hố 30 × 30 × 30cm, lót phân, phủ đất.
- Giống: Giâm từ cành.
- Thời vụ trồng: mùa xuân hoặc thu.
- Trồng: Hom cắt đến đâu trồng đến đó, lấp đất kín 2/3 hom, nén chặt, tủ gốc.

** Chăm sóc*

Mỗi năm làm cỏ, xới xáo từ 1-2 lần.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Tốt nhất nên thu hái ở những cây đã được trồng từ 3 năm trở lên.

- Thu hái vào mùa thu.

- Đào lấy củ, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô.

- Có thể hái lá tươi.

GẤC (*Momordica cochinchinensis* (Lour.) Spreng.)

Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)

Tên khác: Mộc miết, Má khấu.

Mô tả: Cây dây leo, có tua cuốn. Lá mọc so le, cuống có tuyến. Lá cây có màu xanh lục, xẻ 3-5 thùy chân vịt. Hoa màu vàng, đơn tính cùng gốc. Quả hình bầu dục, có gai, khi chín chuyển sang màu đỏ và gai trở nên mềm. Hạt dẹt, vỏ cứng, mép có gai.

Mùa hoa quả: Tháng 6-12.

Phân bố: Cây được trồng ở khắp nơi.

Đặc điểm sinh học:

- Cây ưa ẩm khi mới ra mầm.

- Cây sống nhiều năm, lụi vào mùa đông và phát triển tốt trong mùa hè.

- Tái sinh bằng hạt và chồi.

Bộ phận dùng: Màng hạt, nhân hạt và rễ. Quả chín thu hoạch vào tháng 8-2. Lấy hạt còn màng màu đỏ, phơi hoặc sấy

nhẹ đến se màng. Tách riêng màng để chiết dầu. Rễ và nhân hạt phơi hoặc sấy khô.

Công dụng

- Hạt gấc có thể đắp ngoài để chữa mụn nhọt, trĩ,... Hạt gấc không uống được vì trong hạt có chất độc. Nhân dân cũng thường dùng hạt gấc để chữa trị các bệnh sưng vú, quai bị, sưng chân răng, sốt rét, bướu, hạch,...

- Màng đỏ trong quả gấc chứa nhiều Vitamin A, thường dùng ép dầu để chữa suy dinh dưỡng do thiếu Vitamin A ở trẻ em; chữa những vết bỏng, vết thương.

- Rễ gấc dùng chữa tê thấp, sưng thận, đau người.

- Dầu gấc có chất caroten là tiền sinh tố A, có thể dùng để bồi dưỡng cho người vừa ốm dậy, hay thiếu máu, táo bón, mắt kém thị lực. Đặc biệt, dầu gấc rất có công hiệu cho việc chữa trị bệnh gan mãn tính và còn có khả năng làm cho da mịn màng, làm lành nhanh các vết thương như lở loét, bị bỏng,...

Cách trồng và chăm sóc

** Cách trồng*

- Thời vụ trồng gấc vào mùa xuân.

- Chọn quả gấc to, chín đỏ để làm giống.

- Có 3 cách trồng gấc phổ biến sau:

+ Trồng bằng gieo hạt trực tiếp: Hạt gấc bóc hết vỏ đen bên ngoài và dùng nhân trắng bên trong để trồng. Đào hố rộng 35-40cm, sâu 40-50cm rồi cho phân chuồng mục, rác gần đầy hố. Mỗi hố gieo 2-4 hạt, khi cây mọc thì tỉa bớt để lại 1-2 cây khỏe trong hố.

+ Trồng bằng gieo hạt tạo cây con: Gieo hạt gấc cho đến khi cây cao 20-25cm thì đánh ra trồng.

+ Trồng bằng dây: Chọn những đoạn dây bánh tẻ ở những cây giống tốt và cắt thành từng đoạn dài 35-40cm. Vùi 2/3 đoạn dây xuống hố có phân bón lót và rơm rạ. Đoạn còn lại cũng được phủ rơm rạ để giữ độ ẩm.

* *Chăm sóc*

- Khi cây mới ra mầm phải thường xuyên giữ ẩm, bón thúc phân đạm hoặc nước phân chuồng để cây phát triển nhanh.

- Khi cây leo lên giàn thì bón thúc phân chuồng và vun gốc cho cây. Dây leo càng rộng thì quả càng sai.

- Vào mùa đông khi thu hoạch hết quả thì chặt cây đến gần sát gốc và để lại phần gốc 50cm.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch khi gấc chín đỏ.

- Bổ đôi quả gấc, lấy hạt ra nhưng vẫn giữ nguyên màng bao bọc hạt, sấy hoặc phơi hạt cho khô.

- Dùng dao tách màng vỏ hạt, sấy màng gấc ở nhiệt độ 60-70°C cho đến khi màng gấc khô giòn. Giã nhỏ và đồ chín gấc sấy khô rồi ép lấy dầu. Nếu có ít màng gấc thì có thể phơi khô rồi tán nhỏ màng gấc để nấu với dầu lạc hoặc mỡ ở 60-70°C.

- Hạt gấc bỏ màng rồi phơi thật khô, sau đó đem nướng chín, giã thành bột mịn để đắp lên những mụn nhọt ngoài da.

- Rễ gấc thái lát mỏng và phơi khô, sao vàng hoặc tán nhỏ để dùng sắc uống với những vị thuốc khác.

GỐI HẠC (*Leea rubra* Blume)

Họ Gối hạc (Leeaceae)

Tên khác: Kim lê, Bí đại, Phỉ tử.

Mô tả: Cây bụi, thân có rãnh dọc và phình lên ở những mấu rễ củ màu hồng, trắng hoặc vàng. Lá kép lông chim hai hoặc ba lần, mép phiến lá chét có răng cưa thô to, gần như không cuống. Hoa nhỏ màu hồng, mọc thành ngù ở đầu cành. Quả khi chín có màu đen.

Mùa hoa quả: Tháng 5-10.

Phân bố: Cây mọc hoang ở chỗ râm mát vùng đồi núi.

Đặc điểm sinh học

- Chịu bóng nhẹ, thích ẩm, tầng đất dày và thoát nước tốt.

- Tái sinh bằng hạt và chồi tốt.

Bộ phận dùng: Rễ.

Công dụng: Dùng chữa bệnh đau nhức khớp xương, tê thấp, đau bụng, rong kinh.

Cách trồng và chăm sóc

** Cách trồng*

- Chọn đất và làm đất: đất ẩm, xốp, dưới tán rừng thứ sinh có độ tàn che từ 0,5 trở lên. Phát dọn dây leo, cỏ dại, cuốc hố cách nhau 3 m, kích thước hố 30 × 30 × 30cm, lót phân, phủ đất.

- Giống: Gieo hạt vào túi bầu nilon, thành phần ruột bầu 1/2 đất thịt + 1/2 đất cát, có thể trộn thêm phân chuồng hoai. Có thể bứng cây con tái sinh trong rừng giâm trong bầu nilon đến khi cây đủ tiêu chuẩn đem trồng.

- Trồng: Đặt cây con ngay ngắn vào hốc, lấp đất, nén chặt, tưới nước đủ ẩm.

* *Chăm sóc*

Như chăm sóc cây ở rừng trồng.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hái vào mùa đông.
- Đào rễ về rửa sạch, thái mỏng, phơi hay sấy khô.
- Dùng dưới dạng thuốc sắc, thuốc bột hoặc ngâm rượu.

GỪNG (*Zingiber officinale* Rosc.)

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Tên khác: Sinh khương, Can khương.

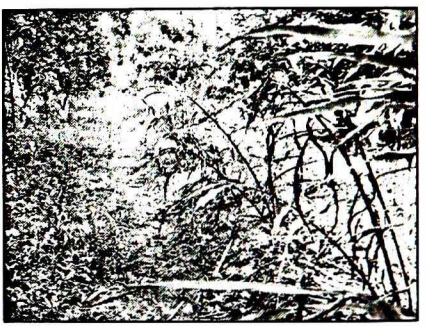

Mô tả: Gừng thuộc loại cây cỏ. Thân rễ phình to thành dạng củ, phân nhánh. Thân khí sinh mọc vào mùa mưa, cao 0,5-1m. Lá mọc so le, hình dải, với những cuống lá ôm lấy nhau thành một thân giả. Hoa màu vàng, pha xanh tím, dài từ 25-30cm, mọc từ gốc thành bông. Quả nang. Toàn thân có mùi thơm, vị cay nóng.

Mùa hoa quả: Tháng 5-8.

Phân bố: Cây được trồng ở khắp nơi.

Đặc điểm sinh học

- Gừng xanh tốt vào mùa hè và tàn lụi vào mùa đông,
- Cây sống nhiều năm.
- Thích hợp ở những vùng đất có nhiều mùn và tơi xốp.
- Thân ngầm nảy chồi rất mạnh.

Bộ phận dùng: Thân rễ.

Công dụng: Củ gừng tươi (sinh khương) và củ gừng khô (can khương) đều có vị ấm cay nên được dùng để chữa cảm mạo, phong hàn, đau bụng lạnh, đầy trướng, không tiêu, kém ăn, nôn mửa, ỉa chảy, lỵ ra máu, nhức đầu, chân tay lạnh, mạch yếu, ho mất tiếng, ho suyễn, thấp khớp, ngứa dị ứng, băng huyết.

Gừng còn được dân gian dùng để chữa bệnh sình bụng cho gia súc.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Gừng có thể trồng quanh năm nhưng tốt nhất vào mùa xuân.

- Củ làm giống là những củ to, khỏe, mập và không bị sâu.

- Luống trồng gừng phải đảm bảo thoát nước nhanh nên có thể làm luống cao 20-25cm, rộng 60-70cm.

- Trên luống đào những hốc cách nhau 30-40cm, ở vùng đồi hoặc núi thoai thoải thì không cần đánh luống mà chỉ cần đào hốc để trồng gừng.

* *Chăm sóc*

- Sau khi trồng gừng xong cần xới xáo, làm cỏ và vun gốc đến khi gừng bắt đầu tạo củ.

- Nên đổ rác, trấu vào xung quanh nơi trồng gừng. Có thể bón thêm đạm, kali, tro để cây phát triển tốt.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Khi gần đến mùa đông, phần khí sinh bắt đầu ngả màu vàng thì có thể thu hoạch được.

- Khi thu hoạch cần cắt hết phần thân khí sinh rồi sau đó mới đào củ.

- Củ được bỏ sạch rễ con, rũ hết đất cát và phơi nắng hoặc sấy ở nhiệt độ 35-40°C cho khô, bảo quản ở nơi khô, thoáng, râm mát. Muốn giữ tươi lâu đặt vào chậu, phủ cát lên.

HÀ THỦ Ô ĐỎ (*Polygonum multiflorum* Thunb.)

Họ Rau răm (Polygonaceae)

Tên khác: Thủ ô, Dạ giao đằng.

Mô tả: Cây thân leo, thân mọc xoắn với nhau từng đoạn. Thân cành và cuống lá màu đỏ tím.Thân có nhiều rễ củ mọc thành chùm, đuôi củ nhọn, rễ củ to nạc, màu đỏ nâu. Lá mọc so le, có cuống dài, hình tim nhọn, bẹ chìa hình ống, mỏng, mép nguyên hoặc lượn sóng, cả hai mặt đều nhẵn. Lá kèm mỏng, màu nâu nhạt ôm lấy thân. Hoa nhỏ, mọc thành chùm nhiều nhánh, cánh màu trắng. Quả hình 3 cạnh, có cánh

Mùa hoa quả: Tháng 10-11.

Phân bố: Cây mọc hoang ở vùng rừng núi.

Đặc điểm sinh học

- Cây sống lâu năm, ưa khí hậu nóng ẩm, đất xốp, thoát nước, ưa sáng.

- Thường gặp ở ven rừng, các lỗ trống trong rừng hay trên các trảng cỏ cây bụi có cây gỗ rải rác.

- Có khả năng tái sinh tự nhiên bằng hạt và bằng chồi thân tốt.

Bộ phận dùng: Rễ củ.

Công dụng: Bổ máu, chống viêm, trị thần kinh suy nhược, ăn ngủ kém, sốt rét mãn tính, thiếu máu, ít sữa, đau lưng, khỏe gân cốt. Ngoài ra uống lâu ngày làm đen râu, tóc.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn và làm đất: Tầng đất dày khoảng 50-100cm, ít chua. Thích hợp trồng ở rừng mới phục hồi sau nương rẫy, rừng thứ sinh nghèo kiệt có độ tàn che từ 0,3-0,4 hoặc rừng trồng chưa khép tán hoặc đã tỉa thưa hay có tán lá thưa. Trồng theo rạch.

- Giống: Từ hạt hoặc từ hom thân.

+ Hạt thu hái từ cây mẹ 2 tuổi trở lên, không bị sâu bệnh. Chọn hạt chín, hong phơi nơi thoáng mát trong bóng râm, tốt nhất đem gieo ngay sau khi thu hái.

+ Hom thân lấy từ cây mẹ 2-5 tuổi. Cắt từng đoạn hom từ 20-30cm, mỗi đoạn có 2-3 mắt chồi, cắt bỏ 1/2-1/3 lá. Cắt đến đâu giâm đến đấy.

+ Hạt và hom đều gieo hoặc cắm theo rạch, cách nhau 10-15cm, sâu 5-6cm, lấp kín hạt và gốc hom. Tủ rơm rạ kín mặt rạch, tưới nước đủ ẩm, giỡ bỏ rơm rạ khi hạt mọc hoặc hom ra chồi. Che phên 20-30%, tiếp tục tưới nước đủ ẩm và chăm sóc đến khi cây con đủ tiêu chuẩn đem trồng.

- Trồng vào mùa xuân hoặc đầu mùa mưa khi đất đủ ẩm, có thể trồng ở vụ thu.

+ Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt. Tiếp tục lấp đất mặt cao khỏi miệng hố 5-6cm, tủ lá cây hoặc cỏ khô kín mặt hố.

+ Làm cọc cho cây leo.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Điều chỉnh độ tàn che từ 0,3-0,4.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Sau khi trồng 4-5 năm trở lên mới bắt đầu thu hoạch.

- Thu hoạch vào mùa thu, đào củ, rửa sạch, bổ hoặc thái mỏng, đem phơi hoặc sấy khô.

HOÀNG ĐẰNG (*Fibraurea recisa* Pierre)

Họ Tiết dê (Menispermaceae)

Tên khác: Hoàng đằng, Hoàng liên nam, Dây vàng giang.

Mô tả: Cây dây leo, rễ và thân già có màu vàng mơ. Lá mọc so le, đầu nhọn, có 3 gân chính nổi rõ. Cuống lá dài phình ra ở hai đầu. Hoa đơn tính, khác gốc, màu vàng lục nhạt, mọc thành chùm ở kẽ các lá đã rụng. Quả hình trái xoan, khi chín màu vàng, có một hạt.

Mùa hoa quả: Tháng 5-8.

Phân bố: Cây mọc hoang ở miền núi.

Đặc điểm sinh học:

- Ưa khí hậu mát, đất tơi xốp và thoát nước tốt.

- Thường gặp ở rừng thứ sinh nghèo kiệt, trảng cỏ cây bụi có cây gỗ rải rác. Thường mọc thành bụi trườn xen lẫn với nhiều cây bụi khác ở ven rừng.

Bộ phận dùng: Rễ và thân già.

Công dụng: Chữa đau mắt, sốt rét, lỵ, ỉa chảy, bệnh về gan, mụn nhọt, mẩn ngứa, viêm ruột, viêm dạ dày, viêm bàng quang, sốt nóng.

Cách trồng và chăm sóc

** Cách trồng*

- Chọn đất ẩm, thoát nước, tơi xốp.

- Nguồn giống:

+ Hom thân lấy từ cây mẹ 2-5 tuổi. Cắt từng đoạn hom từ 20-30cm, mỗi đoạn có 2-3 mắt chồi, cắt bỏ 1/2-1/3 lá. Cắt đến đâu giâm đến đấy.

+ Hom được cắm theo rạch, cách nhau 10-15cm, sâu 5-6cm, lấp kín gốc hom. Tủ rơm rạ kín mặt rạch, tưới nước đủ ẩm, dỡ bỏ rơm rạ khi hom ra chồi. Che phên 30-40%, tiếp tục tưới nước đủ ẩm và chăm sóc đến khi cây con đủ tiêu chuẩn đem trồng.

- Trồng:

+ Thời vụ: Mùa xuân hoặc đầu mùa mưa khi đất đủ ẩm, có thể trồng ở vụ thu.

+ Trồng theo hố hoặc theo rạch rộng 0,8-1m.

+ Làm đất theo hố, kích cỡ 30 × 30 × 30cm.

+ Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt. Tiếp tục lấp đất mặt cao khỏi miệng hố 5-6cm, tủ lá cây hoặc cỏ khô kín mặt hố.

+ Làm cọc cho cây leo.

** Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Làm cọc cho cây leo.

- Điều chỉnh độ tàn che từ 0,4-0,5.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hoạch gần quanh năm, tốt nhất vào mùa thu.

- Thu hoạch cả thân và rễ, cắt thành từng đoạn dài 15-20cm, phơi hay sấy khô.

KIM NGÂN (*Lonicera japonica* Thunb.)

Họ Cơm cháy (Caprifoliaceae)

Tên khác: Dây nhẫn đông.

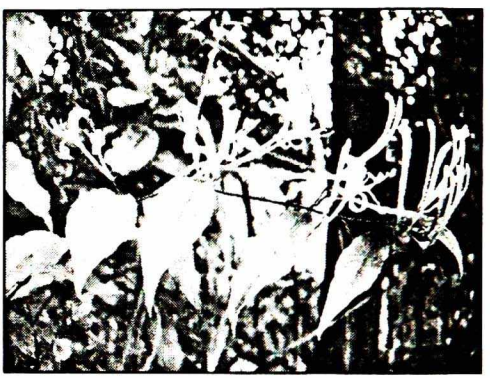

Mô tả: Kim ngân là loại dây leo bằng thân quấn, có lông mềm, thân màu đỏ nâu. Lá màu xanh, có lông, mọc đối. Hoa mọc ở nách lá theo từng đôi, khi mới nở màu trắng, sau chuyển sang màu vàng và có mùi thơm dễ chịu. Quả hình cầu màu đen.

Mùa hoa quả: Mùa hoa thường tập trung vào tháng 5-6, mùa quả vào tháng 6-8.

Phân bố: Cây mọc hoang ở rừng núi, còn được trồng làm cảnh.

Đặc điểm sinh học

- Cây thay lá vào mùa thu và mùa đông.

- Đây là loài cây dễ tính có thể trồng ở mọi loại đất.

Bộ phận dùng: Thân mang lá, hoa.

Công dụng: Kháng khuẩn, chống dị ứng. Dùng chữa mụn nhọt, lở ngứa, mề đay, viêm mũi dị ứng, sốt nóng, sốt rét, ban sởi, đậu, ỉa chảy, ly, thấp khớp, giang mai, rôm sảy.

Ngày 4-8g hoa hoặc 10-20g thân mang lá, dưới dạng thuốc sắc, thuốc hãm, cao thuốc hoặc ngâm rượu.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Nhân giống kim ngân bằng cành. Thời điểm giâm cành là vào mùa xuân và mùa thu.

- Cách giâm cành: chọn những cành bánh tẻ, cắt dài 15-20cm. Quấn dây thành khoanh tròn, đặt cây xuống hố rồi phủ đất mịn. Kim ngân mọc lá non sau 10-16 ngày.

Khi cây phát triển tiếp tục khoanh dây thành vòng tròn có đường kính 15-20cm rồi phủ đất lên trên. Cách này sẽ giúp cây phát triển tốt và ra hoa nhiều. Khi cây phát triển lên cao thì làm giàn để cho cây leo.

* *Chăm sóc*

- Bón thúc phân 2-3 lần/năm.

- Đến mùa thu phải sửa giàn và tỉa cành già để cành non phát triển.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thân mang lá thu hái quanh năm.

- Thu hoạch khi hoa sắp nở hoặc mới chớm nở. Phơi hoa trong bóng mát hoặc sấy nhẹ hoa ở nhiệt độ 39-40°C. Khi thu hoạch cần hái cả cụm hoa vào buổi sáng sớm.

KIM TIỀN THẢO (*Desmodium styracifolium* (Osb.) Merr)

Họ Cánh bướm (Papilionaceae)

Tên khác: Mắt nai, Mắt trâu, Vảy rồng, Đồng tiền.

Mô tả: Cây thân thảo, mọc bò, vươn dài 30-50 cm, có khi tới 80 cm, đường kính thân 0,3-0,4 cm; thân chia làm nhiều đốt mang các lá đơn hình tròn (đôi khi có 3 lá chét) mọc so le, đường kính lá tới 3,5 cm, đầu và gốc hơi lõm; mặt dưới lá có nhiều lông trắng bạc, mặt trên gân nổi rõ, cuống dài 2-3 cm. Hoa màu tím mọc thành chùm nhỏ ở nách. Quả đậu nhỏ, dẹt, rộng 3,5 mm, thắt thành 3-6 ngăn chứa hạt; vỏ quả có lông ngắn, trắng.

Mùa hoa quả: Mùa hoa tháng 3-5.

Phân bố: Mọc hoang khắp vùng đồi núi trung du nước ta, độ cao dưới 600 m so với mực nước biển.

Đặc điểm sinh học

- Thích hợp điều kiện khí hậu nóng ẩm hoặc ấm mát; đất ít chua, thành phần cơ giới trung bình, ẩm và thoát nước nhưng cũng chịu được đất chua, nghèo xấu và khô hạn.

- Ưa sáng nhưng cũng chịu được bóng râm nhẹ, sống lưu niên; tái sinh hạt, chồi gốc, chồi thân, chồi cành đều khỏe.

Bộ phận dùng: Cành và lá.

Công dụng: Chữa sỏi túi mật, sỏi thận, sỏi bàng quang, phù thũng, khó tiêu và các bệnh khác về thận

Cách trồng và chăm sóc

- Chọn và làm đất: là loài cây không kén đất, chỉ tránh đất ngập úng, bí chặt, kiềm mặn hoặc có cây che bóng quá rậm rạp. Làm đất toàn diện hay cục bộ theo hàng, theo đám nơi có lỗ trống; xen với cây ăn quả hay rừng chưa khép tán để tận dụng đất và che phủ đất. Bón lót bằng phân chuồng có trộn 2% lân.

- Nguồn giống: Có thể trồng bằng hom thân hoặc cành nhưng tốt nhất là bằng hạt gieo thẳng vì hạt giống thường sẵn và đỡ tốn công hơn.

- Gieo trồng và chăm sóc: Thời vụ gieo trồng thích hợp là vụ xuân hay đầu mùa mưa, khi đất đã đủ ẩm nhưng chưa có những trận mưa to. Ngâm hạt trong nước ấm (3 sôi + 2 lạnh) trong 4-5 giờ, vớt ra để ráo, trộn với tro, cát hay đất mịn khô rồi gieo thẳng; lấp đất kín hạt dày 2-3 cm, tủ rơm rạ ẩm đã khử trùng lên rạch. Dỡ bỏ vật che tủ khi hạt nẩy mầm; đề phòng kiến tha hạt và sâu, dế cắn mầm. Khi cây được 3-5 lá thì tỉa dặm cây, điều tiết mật độ ổn định với cự ly khoảng 0,8 × 0,8 m; cây được 6- 10 lá nhổ cỏ xới đất vun gốc cho cây; có thể bón thúc bằng phân chuồng hoai hay hỗn hợp phân vô cơ.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế:

- Trồng một lần có thể thu hoạch nhiều lần trong 2-3 năm liên tục hoặc lâu hơn.

- Hàng năm thu hái 1-2 lần vào vụ hè và vụ thu;

- Cắt toàn bộ phần cành lá trên mặt đất, chừa lại phần thân sát gốc dài 4-5cm để cây tái sinh chồi. Rửa sạch, phơi khô để bảo quản hay tiêu thụ.

LÁ KHÔI (*Ardisia sylvestris* Pitard.)

Họ Đơn nem (Myrsinaceae)

Tên khác: Độc lực, Đơn tướng quân.

Mô tả: Cây bụi, mọc thẳng đứng, ít phân nhánh. Lá mọc so le thường tập trung ở đỉnh thân, phiến lá nguyên, mép có răng cưa, mặt trên có màu xanh như nhung, mặt dưới màu tím. Hoa mọc thành chùm, màu trắng pha hồng tím. Quả mọng, khi chín màu đỏ.

Phân bố: Cây mọc hoang dưới tán rừng.

Đặc điểm sinh học

- Cây sống lâu năm, ưa ẩm, ưa bóng.

- Mọc dưới tán rừng rậm.

Bộ phận dùng: Lá.

Công dụng: Dùng chữa đau dạ dày.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng:*

- Chọn và làm đất: Chọn đất nơi ẩm, tốt nhất ven các khe suối, độ tàn che cao. Làm đất cục bộ theo hố, kích thước 20cm × 20cm × 20cm.

- Giống: Từ hạt hoặc từ hom thân.

+ Hạt thu hái vào tháng 12 sau khi hạt chín. Chọn hạt chín đem gieo ngay sau khi thu hái và ươm trong cát ẩm. Sau khi ươm từ 15 đến 20 ngày hạt bắt đầu nảy mầm. Khi hạt nảy mầm đánh cấy vào trong bầu. Thành phần ruột bầu 1/2 cát + 1/2 sét, tốt nhất dùng đất từ phân giun. Đặt bầu dưới bóng râm, hàng ngày tưới nước đủ ẩm. Sau 3 tháng cây con có thể xuất vườn.

+ Hom thân lấy từ cây mẹ, tốt nhất chọn những hom có đường kính từ 1-1,5cm. Cắt từng đoạn hom từ 20-35cm. Cắt đến đâu giâm trên cát ẩm đến đấy. Sau khi hom ra rễ đánh lên cấy vào bầu (giống như hạt).

- Trồng vào mùa xuân hoặc đầu mùa mưa khi đất đủ ẩm, có thể trồng ở vụ thu.

+ Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt, tủ lá cây hoặc cỏ khô kín mặt hố.

+ Làm cọc cho cây leo.

* *Chăm sóc*

- Phá bỏ cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Điều chỉnh độ tàn che từ 0,6-0,7.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thường thu hái lá vào mùa hạ.

- Phơi nắng cho tái rồi hong và ủ trong râm.

LÔ HỘI (*Aloe vera* L.)

Họ Hành tỏi (Liliaceae)

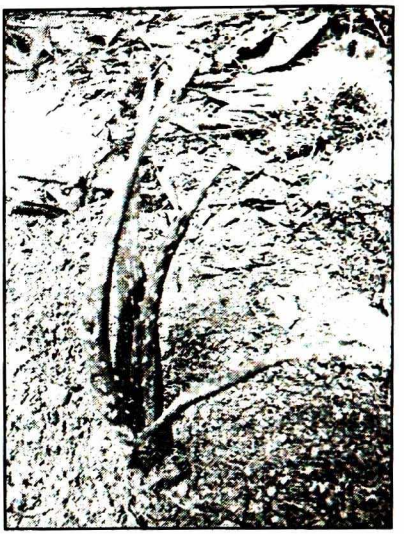

Tên khác: Long tu, Tượng đảm, Du thông, Nô hội, Lưỡi hổ, Hổ thiệt.

Mô tả: Cây mập, thân ngắn, mang nhiều lá dày mọng nước. Lá không có cuống, mọc thành vành rất sít nhau, hình ba cạnh, mép dầy, có răng cưa, lá dài 15-20cm, chưa thấy ra hoa kết quả.

Phân bố: Cây được trồng để làm cảnh và nấu chè.

Đặc điểm sinh học

- Cây ưa ẩm nhưng không chịu úng.

- Đẻ con mạnh bằng những nhánh mọc ngang.

Bộ phận dùng: Nhựa và lá.

Công dụng: Sát trùng, thông tiện, thanh nhiệt, lương can. Dùng chữa trẻ bị cam tích, táo bón, phụ nữ kinh nguyệt không đều. Dùng làm nước giải khát.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn và làm đất: Chọn đất nơi triền dốc, thoát nước, mát. Cuốc sâu, đánh nhỏ, nhặt sạch cỏ dại, lên luống cao 30-40cm, rộng 40-50cm (trồng 1 hàng) hoặc 90-100cm (trồng 2 hàng), cuốc hốc cách nhau 40-50cm, nếu trồng 2 hàng thì trồng so le,

hàng cách hàng 50cm, lót phân chuồng hoai mục, lấp 1 lớp đất 3-5cm.

- Giống: cây con.
- Trồng: đặt cây ngay ngắn, lấp đất kín gốc, nén chặt.
- Tưới đủ ẩm.

* *Chăm sóc*

- Tưới ẩm vào những ngày nắng hạn.
- Theo dõi làm cỏ, vun gốc khi cây trưởng thành.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

Thu hái quanh năm. Người dân thường hái chừng 2-3 lá bóc vỏ cứng bên ngoài, cắt thành từng miếng nhỏ ăn tươi với đường hoặc nấu với đường, hoặc ăn như rau sống để cho mát và chữa kinh nguyệt không đều.

MÍA DÒ (*Costus speciosus* (Koening) Smith)

Họ Mía dò (Costaceae)

Tên khác: Đọt đắng, Cát lồi, Sẹ vòng, Tậu chó.

Mô tả: Cây thân cỏ, mọc thẳng, có thể cao tới hơn 2m, có khi phân cành. Thân rễ nạc, mọc ngang. Lá mọc so le, có bẹ, lúc non xếp thành hình xoắn ốc, có lông. Cụm hoa hình bông, mọc ở ngọn thân, hoa màu trắng, lá bắc màu đỏ. Quả nang, chứa nhiều hạt, màu đen.

Phân bố: Cây mọc hoang dưới tán rừng tự nhiên ẩm, thường xanh, ở độ cao trên 200m so với mực nước biển; gặp hầu hết ở các tỉnh có rừng, đặc biệt ở các tỉnh phía Bắc.

Đặc điểm sinh học

- Cây có tính chịu bóng, thích hợp ở độ tàn che 0,4- 0,6 hoặc cao hơn nên thích hợp với việc gây trồng dưới tán rừng.

- Ưa đất giàu mùn, ẩm nhưng không chịu được úng.

- Đẻ nhánh quanh năm bằng các chồi mọc ngang; cây sống lâu năm nhưng bộ phận thân rễ dễ bị thối khi phần thân khí sinh tương ứng tàn lụi.

Bộ phận dùng: Thân rễ.

Công dụng: Tác dụng chống viêm. Chữa sốt, thấp khớp, đau lưng, đau dây thần kinh, viêm tai, tiểu buốt, nước tiểu vàng.

Cách trồng và chăm sóc

** Cách trồng:*

- Chọn và làm đất: đất sâu, ẩm có tầng cây gỗ che bóng; làm đất theo luống nhỏ (đủ trồng 1-2 hàng) hay cục bộ theo hố (kích thước hố: 30 × 30 × 30cm) ở nơi thích hợp dưới tán rừng.

- Giống: có các cách tạo giống sau:

+ Tạo cây con từ hạt: thu hạt giống đem gieo ươm cho đủ tiêu chuẩn rồi đem trồng.

+ Cắt chồi cành ở vị trí sát thân đem giâm tạo cây con.

+ Tách hom thân còn non có kèm theo một phần thân rễ khi thu hoạch để ươm hay trồng lại.

- Trồng: Cự ly trồng giữa các hố tối thiểu 0,8m. Bới đất, đặt cây ngay ngắn, vun gốc nổi.

- Bón lót bằng phân chuồng hoai.

** Chăm sóc*

Tưới nước, che phủ đất giữ ẩm vào mùa khô hạn và khi mới trồng; làm cỏ, vun gốc và bón thúc cho cây; Phòng trừ sâu bệnh, gia súc và động vật rừng gây hại.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hái quanh năm.

- Phơi hoặc sấy khô.

- Có thể dùng ngọn và cành non giã, vắt lấy nước chữa viêm tai.

- Có thể dùng làm nguyên liệu để chiết xuất diosgenin.

NGHỆ ĐEN (*Curcuma zedoaria* (Berg.) Roscoe.)

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Tên khác: Nghệ xanh, Ngải tím, Nga truật.

Mô tả: Cây thân thảo, cao từ 1-1,5m. Thân rễ hình nón, có khía chạy dọc, mang nhiều củ có vỏ màu vàng nhạt, thịt củ màu vàng tái. Lá có bẹ ôm vào thân ở phía dưới, có đốm đỏ ở gân chính. Cụm hoa mọc ngang, thường mọc trước khi có lá. Lá bắc dưới màu xanh lục nhạt, mép đỏ, lá bắc phía trên màu vàng nhạt, đầu lá màu đỏ. Hoa màu vàng, bầu có lông mịn.

Mùa hoa quả: Tháng 3-5.

Phân bố: Cây mọc hoang trong rừng và được trồng để làm thuốc.

Đặc điểm sinh học

- Thân khí sinh dạng thảo, sống nhiều năm, thường lụi về mùa khô.

- Ưa ẩm, chịu bóng.

- Thân ngầm (củ) nảy chồi rất mạnh.

Bộ phận dùng: Thân rễ.

Công dụng: Tăng cường tiêu hóa, điều kinh, chữa đau bụng, ăn uống không tiêu, nôn mửa, ho, bế kinh, kinh nguyệt không đều.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng:*

- Làm đất: nghệ ưa đất tơi xốp và dễ thoát nước, sau khi làm đất và cày bừa kỹ thì đánh luống rộng 1-1,2m, cao 20-25cm. Bón phân Super lân. Có thể bón phân bằng cách trộn đều phân với đất hoặc bón phân theo rãnh.

- Nhân giống bằng những củ tốt, không có sâu bệnh, tách củ ra thành từng nhánh, mỗi nhánh trồng ở một hốc.

- Sau khi xẻ rãnh, bón phân vào từng rãnh rồi phủ một lớp đất 2-5cm lên trên. Trồng củ nghệ vào rãnh sao cho củ cách củ 20-25cm và hàng cách hàng 30-35cm. Sau khi trồng lấp một lớp đất lên trên cùng một lớp rơm rạ để giữ ẩm.

* *Chăm sóc*

- Sau khi nghệ mọc mầm (khoảng 5-7 ngày) thì bỏ lớp rạ phủ bên trên đi.

- Khi nghệ phát triển lá vàng nhạt, mượt thì không cần bón thúc đạm và khi nghệ được 5-6 lá mới bắt đầu bón thúc kali và vun hốc cho cây.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch vào tháng 11-12.
- Khi thu hái cắt bỏ rễ con, đồ chín rồi phơi khô.
- Có khi thái mỏng rồi phơi khô.

NGHỆ VÀNG (*Curcuma domestica* Valet.)

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Tên khác: Nghệ vàng, Uất kim, Khương hoàng,

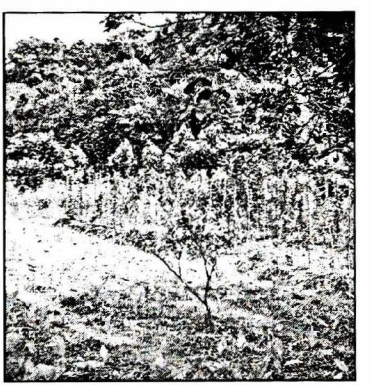

Mô tả: Cây thân thảo, cao 0,5-1m. Thân rễ nạc, phân nhánh, có màu vàng, mùi hắc. Lá to, mọc so le, có bẹ ôm lấy nhau thành thân giả. Hoa màu vàng, mọc thành bông hình trụ ở ngọn. Hoa nghệ có 2 mo, lá bắc dưới màu xanh, lá bắc trên màu đỏ.

Mùa hoa quả: Mùa hoa thường tập trung vào tháng 3-5.

Phân bố: Cây được trồng ở khắp nơi để làm gia vị và làm thuốc.

Đặc điểm sinh học

- Thân thảo, sống nhiều năm.
- Ưa ẩm, chịu bóng.
- Thân ngầm (củ) nảy chồi rất mạnh.

Bộ phận dùng: Thân rễ.

Công dụng: Diệt khuẩn, chữa viêm loét dạ dày, tá tràng, viêm gan, vàng da, kinh nguyệt không đều, bế kinh, tích máu sau khi sinh, ngã tổn thương tụ máu, thấp khớp, tay chân đau nhức, mụn nhọt, ghẻ lở. Dùng ngoài bôi vết thương mới lành để chống sẹo.

Cách trồng và chăm sóc

** Cách trồng*

- Làm đất: nghệ ưa đất tơi xốp và dễ thoát nước, sau khi làm đất và cày bừa kỹ thì đánh luống rộng 1-1,2m, cao 20-25cm. Cây nghệ trồng thu sinh khối tươi nên nhu cầu cần NPK cao, năng suất phụ thuộc nhiều vào lượng dinh dưỡng cung cấp. Có thể bón phân bằng cách trộn đều phân với đất hoặc bón phân theo rãnh.

- Nhân giống bằng những củ tốt, không có sâu bệnh, tách củ ra thành từng nhánh, mỗi nhánh trồng ở một hốc.

- Sau khi xẻ rãnh, bón phân vào từng rãnh rồi phủ một lớp đất 2-5cm lên trên. Trồng củ nghệ vào rãnh sao cho củ cách củ 20-25cm và hàng cách hàng 30-35cm. Sau khi trồng lấp một lớp đất lên trên cùng một lớp rơm rạ để giữ ẩm.

** Chăm sóc*

- Sau khi nghệ mọc mầm (khoảng 5-7 ngày) thì bỏ lớp rạ phủ bên trên đi.

- Khi nghệ phát triển lá vàng nhạt, mượt thì không cần bón thúc đạm. Nghệ được 5-6 lá mới bắt đầu bón thúc kali và vun hốc cho cây.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch rải rác từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Khi lá già khô mép, ngả sang màu vàng nhạt, lá non ngừng phát triển, củ nghệ có da bóng, vàng sẫm là thu hoạch được.

- Cắt bỏ thân lá, đào lấy củ, phơi hoặc sấy khô.

NGŨ GIA BÌ GAI (*Acanthopanax trifoliatus* (L.) Merr.)

Họ Ngũ gia bì (Araliaceae)

Tên khác: Ngũ gia bì hương, Chân chim.

Mô tả: Cây bụi, có gai. Lá kép chân vịt, có từ 3-5 lá chét, mọc so le, mép lá khía răng, đôi khi có gai ở gân giữa. Hoa nhỏ, màu trắng lục, mọc thành tán, phân nhánh ở đầu cành. Quả hình cầu hơi dẹt, khi chín màu đen, gồm 2 hạt.

Mùa hoa quả: Tháng 9 đến tháng 1 năm sau.

Phân bố: Cây mọc hoang ở miền núi.

Đặc điểm sinh học

- Cây ưa ẩm, thường mọc dưới tán rừng thứ sinh ẩm, ven suối, lèn đá.

- Tái sinh bằng hạt.

Bộ phận dùng: Vỏ rễ, vỏ thân.

Công dụng: Chữa phong thấp, đau lưng, nhức xương, liệt dương. Còn có tác dụng kích thích, bổ dưỡng, làm tăng trí nhớ.

Cách trồng và chăm sóc

** Cách trồng*

- Chọn đất và làm đất: đất ẩm, xốp, ven suối hoặc lèn đá. Đánh cỏ, cuốc hố cách nhau 3 m, kích thước hố 30 × 30 × 30cm, lót phân, phủ đất.

- Giống: Gieo hạt vào túi bầu nilon. Chăm sóc đến lúc cây con cao 40-50cm thì đem trồng. Có thể bứng cây con tái sinh trong rừng giâm trong bầu nilon đến khi cây đủ tiêu chuẩn đem trồng.

- Trồng: Đặt cây con ngay ngắn vào hốc, lấp đất, nén chặt, tưới nước đủ ẩm.

* *Chăm sóc*

Như chăm sóc cây ở rừng trồng.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hái vào mùa hạ, thu.

- Ủ cho thơm.

- Phơi trong bóng râm chỗ thoáng gió tới khô.

- Dùng dưới dạng thuốc sắc hoặc ngâm rượu thuốc.

SẢ (*Cymbopogon citratus* (DC.) Stapf)

Họ Hòa thảo (Poaceae)

Tên khác: Hương mao.

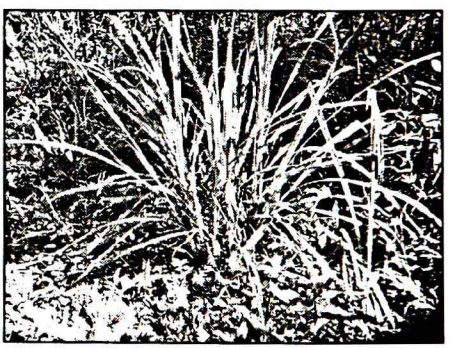

Mô tả: Sả thường mọc thành bụi dày, có thể cao tới trên 1m. Cây cỏ, sống lâu năm. Thân rễ màu trắng hoặc hơi tím. Lá cây hẹp và dài, có bẹ, mép hơi ráp. Cụm hoa nhiều bông nhỏ không cuống. Toàn cây có mùi thơm đặc biệt như chanh.

Mùa hoa quả: tháng 3-4.

Phân bố: Cây được trồng làm gia vị, thuốc và chiết xuất tinh dầu.

Đặc điểm sinh học

- Cây ưa sáng, mọc thành bụi.

- Chịu được nhiều loại đất, sống được ở vùng đồi khô, thích hợp ở những vùng sườn đồi dốc.

- Đẻ nhánh mạnh.

Bộ phận dùng: Cả cây.

Công dụng: Thường được dùng làm thực phẩm, làm thuốc chữa các bệnh thông thường như cảm cúm, sốt, đầy bụng, nôn mửa, trung tiện kém, chàm mặt. Tinh dầu sả còn có tác dụng trừ muỗi, tẩy mùi hôi.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Thời vụ trồng: bất kỳ thời điểm nào trong năm, nhưng tốt nhất là vào mùa xuân.

- Giống: tép sả có tuổi trên 1 năm, cắt bỏ lá, chừa một phần bẹ lá.

- Cuốc, đánh tơi đất, loại sạch cỏ dại, lên luống cao 20-30cm theo hướng dốc, luống rộng 45-50cm (trồng 1 hàng) hoặc 1m (trồng 2 hàng, hàng cách hàng 80cm). Cuốc hốc cách hốc 50cm, lót phân chuồng hoai mục, lấp đất.

- Mỗi hốc trồng 2-3 tép, nén chặt gốc, tưới đủ ẩm.

* *Chăm sóc*

- Sau 1 tháng kiểm tra dặm những bụi cây chết.

- Nhổ cỏ, xới xáo, vun gốc và tưới đủ ẩm vào những ngày khô hạn.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hái quanh năm. Dùng tươi hoặc phơi trong râm mát cho khô.

- Nếu dùng để chưng cất tinh dầu thì thu hoạch trong vòng tháng 3-11. Để cất tinh dầu cứ 30-40 ngày cắt lá sả 1 lần và phơi lá ở nơi râm mát trong 2-3 ngày. Khi cất tinh dầu chỉ cần cho sả sôi trong 3-4 giờ là đủ lượng tinh dầu cần thiết.

SA NHÂN (*Amomum villosum* Lour.)

Họ Gừng (Zingiberaceae)

Tên khác: Mé tré bà, Dương xuân sa.

Mô tả: Cây thân thảo, cao 1,5-2,5m. Thân rễ khỏe, bò lan dưới lớp đất mỏng, có khi nổi lên mặt đất. Lá nhẵn bóng, có bẹ, không có cuống, mọc so le, phiến hình dải, đầu nhọn dài, gốc lá hình nêm đều, mép nguyên. Hoa dạng bông mọc cụm từ thân cây, màu trắng, cánh môi vàng đốm tía, bầu hơi phồng có lông, vòi nhụy có lông tơ ngắn. Quả cuống ngắn có gai, hình tròn hoặc trứng dài, có 3 ô, có gai mềm, khi chín màu đỏ nâu.

Mùa hoa quả: tháng 5-8.

Phân bố: Cây mọc hoang ở rừng núi, dưới tán cây râm mát. Được trồng làm thuốc.

Đặc điểm sinh học

- Cây ưa đất ẩm mát, nhất là ven khe suối.

- Thường mọc dưới tán rừng thứ sinh, tán rừng dày, ở độ cao 100-800m, lượng mưa 1000-3000mm.

Bộ phận dùng: Hạt.

Công dụng: Kháng khuẩn, kích thích tiêu hóa. Chữa ăn không tiêu, đau bụng, đầy trướng, ỉa chảy, kiết lị, nôn mửa, phù, nhức răng.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn đất đồi núi pha cát, đất ẩm, thoát nước tốt.

- Thời vụ trồng: vụ xuân hoặc vụ thu.

- Giống: hạt hoặc chồi. Tốt nhất bằng chồi. Chọn những cây có từ 2-3 chồi đem trồng là tốt nhất. Cắt bỏ lá, chỉ để lại đoạn thân dài từ 15-30cm.

- Đào hố theo hình dích dắc, bón lót phân chuồng 1kg/hố.

- Đặt hom sâu 7-10cm, sau đó lấp đất, nén nhẹ và tưới nước vào gốc, phủ cỏ hoặc rơm rạ xung quanh gốc.

- Khi trồng để chồi non nhô lên trên mặt đất.

* *Chăm sóc*

- Làm sạch cỏ dại xung quanh gốc.

- Bón thúc NPK mỗi năm 3 lần, mỗi lần 0,05kg/hố.

- Điều chỉnh độ tàn che 0,4-0,6.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Quả thu hái vào mùa hạ và mùa thu.

- Phơi khô, tách lấy khối hạt màu trắng.

SẮN DÂY (*Pueraria thomsonii* Benth.)

Họ Đậu (Fabaceae)

Tên khác: Bạch cát, Cát căn, Sắn cơm.

Mô tả: Dây leo, sống lâu năm, có thể dài tới 10m, bề mặt của thân cây có lông bao phủ. Lá kép, mọc so le gồm 3 lá chét nguyên hoặc xẻ thùy, hai mặt lá đều có lông bao phủ. Hoa mọc thành chùm ở kẽ lá có màu xanh tím, mùi thơm. Quả dẹt, màu vàng, có lông mềm, thắt lại giữa các hạt.

Mùa hoa quả: Hoa: tháng 9-10; quả: tháng 11-12.

Phân bố: Cây được trồng ở khắp nơi.

Đặc điểm sinh học:

- Cây thân leo, mang nhiều lá, độ che phủ lớn.

- Có khả năng tái sinh chồi khỏe.

- Cho nhiều củ, củ tích nhiều bột.

Bộ phận dùng: Rễ củ.

Công dụng: Làm mát huyết, chữa cảm sốt, nhức đầu, khát nước, mụn nhọt, ra mồ hôi.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn đất và làm đất: đất sâu, xốp, thoát nước. Đào hốc sâu 60-70cm, rộng 40-50cm. Lót phân chuồng hoai mục và lấp đất.

- Giống: Sau khi thu hoạch củ, cắt thân thành từng đoạn dài khoảng 1m, quấn thành từng khoanh nhỏ để làm giống.

- Trồng: Đặt khoanh thân giống vào hốc rồi lấp đất dày 5-7cm lên trên, nén chặt và phủ rơm rạ.

- Tưới nước vừa đủ ẩm.

* *Chăm sóc*

- Sau khi trồng được 15-20 ngày thì mầm phát triển thành cây con, dùng phân đạm hoặc nước phân chuồng hòa loãng để tưới.

- Nhổ cỏ, xăm gốc thường xuyên cho cây phát triển khỏe.

- Những ngày nắng hạn cần tưới đủ ẩm.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch sau 1 năm vào mùa đông xuân. Khi thu hoạch cắt thân cây đến sát gốc, đào lấy củ. Rửa sạch củ, phơi hoặc sấy khô. Có thể mài lấy bột để dùng.

- Cách làm bột sắn: chặt củ thành từng đoạn dài hoặc để nguyên cả củ và xát trên bàn xát bằng nhôm hoặc máy xát. Gạn lấy nước, bỏ xơ rồi đem phơi nắng.

SÂM BỐ CHÍNH

(*Abenmoschus moschatus ssp. tuberosus* (Span.) Borss.)

Họ Bông (Malvaceae)

Tên khác: Thổ hào sâm, Nhân sâm Phú Yên, Sâm báo

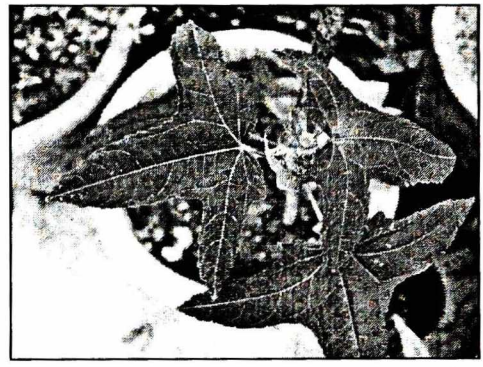

Mô tả: Cây cỏ, cao từ 50-100cm, toàn cây có lông. Rễ mập thành củ. Lá mọc so le, có cuống dài, mép khía thành răng. Lá ở gốc không xẻ, lá ở giữa thân và ngọn xẻ 5 thùy sâu. Hoa to, màu đỏ, mọc riêng ở kẽ lá. Quả nang, hình trứng nhọn, khi chín nứt thành 5 mảnh. Hạt nhiều, màu nâu.

Mùa hoa quả: Tháng 5-9.

Phân bố: Cây mọc hoang ở miền núi và được trồng ở nhiều nơi.

Đặc điểm sinh học

- Cây thân cỏ, sống dai, mọc đứng nhưng yếu ớt, có khi dựa vào các cây xung quanh.

- Rễ có hình người trông giống nhân sâm. Củ có nhiều tinh bột.

- Ưa đất cát pha hay thịt nhẹ, đất phù sa hay bồi tụ ven sông, suối; ưa sáng hay chịu bóng nhẹ, khi trưởng thành có thể mọc xen với nhiều loài cây cỏ thấp.

Bộ phận dùng: Rễ.

Công dụng: Chữa cơ thể suy nhược, ít ngủ, lao phổi, kém ăn, ho, viêm họng, viêm phế quản, sốt nóng, trong người khô, táo, khát nước, kinh nguyệt không đều, khí hư, đau lưng, đau mình, hoa mắt, chóng mặt.

Cách trồng và chăm sóc

- Chọn đất và làm đất: Đất tơi xốp, độ ẩm trung bình, đủ ánh sáng. Làm đất toàn diện, lên luống rộng 1,0 - 1,5m, đủ trồng 2-3 hàng với cự ly 40 × 50cm theo hình nanh sấu. Bón lót phân chuồng hoai có trộn 2% supe lân theo rạch hay theo hốc nhỏ.

- Thời vụ: Cuối tháng 12 làm đất, trồng vào đầu vụ xuân.

- Giống: Ươm tạo cây con bằng hạt hay hom cành trên luống hoặc khay vào tháng 10 và tháng 11 để bứng trồng vào tháng 1, 2 năm sau. Nếu có đủ lượng hạt có thể gieo hạt thẳng sau khi đã xử lý bằng cách ngâm nước ấm trong 10 giờ, ủ ẩm trong túi vải khoảng 2 ngày sau đó đem trộn với tro bếp và cát mịn rồi gieo theo rạch; phòng chống nấm bệnh, côn trùng gây hại và tránh mưa lớn làm gãy đổ khi cây còn non, yếu. Khi cây đã cứng cáp bứng tỉa để dặm theo mật độ mong muốn.

** Chăm sóc*

- Tưới nước thời gian đầu mới trồng và khi thời tiết khô hạn.

- Làm cỏ, phá váng và diệt trừ sâu ăn lá, đề phòng gia cầm phá hoại.

- Bón thúc nước phân chuồng hoai khi cây đẻ nhánh; nếu không có nhu cầu lấy hạt giống thì nên định kỳ cắt nụ hoa để cây cho rễ củ nhiều và to.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch vào mùa thu, đông.

- Đào rễ, cắt bỏ thân, cạo sạch vỏ ngoài, ngâm nước gạo một đêm, vớt ra đồ chín, phơi khô.

THIÊN NIÊN KIỆN (*Homalonema occulta* (Lour.) Schott)

Họ Ráy (Araceae)

Tên khác: Sơn thục, Ráy hương, Môn thục.

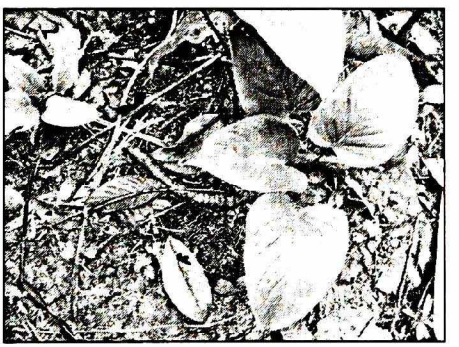

Mô tả: Thân thảo, sống lâu năm, có rễ mập, màu xanh, đường kính từ 1-2cm. Lá mọc so le, có cuống dài, màu xanh, mềm, nhẵn. Phiến lá hình đầu mũi tên, dài 11-15cm, rộng 7-11cm, đầu nhọn. Cụm hoa hình bông mo, hoa đơn tính, cùng gốc, hoa không có bao hoa. Quả mọng, khi chín màu đỏ.

Mùa hoa quả: Tháng 4-6.

Phân bố: Cây mọc hoang dại rất nhiều trong các loại rừng tự nhiên ở nước ta.

Đặc điểm sinh học

- Toàn thân có tinh dầu thơm, nhất là ở thân rễ.

- Ưa ẩm ướt, phân bố nhiều dọc ven suối.

Bộ phận dùng: Thân rễ.

Công dụng: Chữa thấp khớp, đau nhức xương, tê bại, đau dạ dày, khó tiêu, đau bụng kinh.

Thân rễ tươi ngâm rượu xoa bóp chữa đau nhức, hoặc lá tươi giã đắp chữa nhọt.

Cách trồng và chăm sóc

Cắt thân ngầm già (củ già) đem trồng. Cứ $1m^2$ trồng 4 gốc thiên niên kiện.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hái vào mùa thu đông.

- Cạo sạch vỏ ngoài, chặt thành đoạn, phơi hoặc sấy khô.

- Có thể dùng lá tươi.

THỔ PHỤC LINH (*Smilax glabra* Roxb.)

Họ Kim cang (Smilacaceae)

Tên khác: Khúc khắc, Kim cang nhẵn, Dây khum.

Mô tả: Cây thân leo, có tua quấn dài. Thân trên mặt đất dài 4-5m, có nhiều cành nhỏ, không gai. Rễ củ, có nhiều rễ nhỏ. Lá hình trái xoan thuỗn, mọc cách, mặt trên xanh bóng, có 3 gân dọc chạy từ gốc đến ngọn lá và nhiều gân con. Hoa mọc thành cụm, cuống chung, ngắn. Quả mọng hình cầu, có 3 hạt.

Mùa hoa quả: Tháng 5-10.

Phân bố: Cây mọc hoang ở vùng núi và trung du.

Đặc điểm sinh học

- Cây sống lâu năm, bò leo dựa vào thân cành cây bụi, cây gỗ nhỏ dưới tán rừng.

- Cây ưa sáng, ưa đất còn tính chất đất rừng, nhiều mùn, ẩm, thịt nhẹ đến sét nhẹ, ít chua.

- Thường gặp ở ven rừng hoặc các lỗ trống trong rừng có độ tàn che 0,4-0,5.

- Có khả năng chịu bóng khá.

Bộ phận dùng: Rễ củ.

Công dụng: Chống viêm, chống dị ứng. Dùng làm thuốc lọc máu, chữa giang mai, làm ra mồ hôi, chữa thấp khớp, đau xương, đau lưng. Ngoài ra còn dùng làm nguyên liệu chế nước ngọt giải khát (xá xị).

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn và làm đất:

+ Tầng đất dày trên 1m, ít chua, đất thịt nhẹ hoặc sét nhẹ.

+ Thực bì: dưới tán rừng thứ sinh nghèo kiệt hoặc mới phục hồi, độ tàn che từ 0,4-0,5. Rừng trồng chưa khép tán hoặc đã tỉa thưa.

+ Phát dọn thực bì quanh hố trồng hoặc rạch.

+ Cuốc hố kích cỡ 30 × 30 × 30cm.

- Giống: Từ hạt hoặc từ hom thân.

+ Hạt thu hái từ cây mẹ 2-3 tuổi trở lên, không bị sâu bệnh. Chọn hạt chín, hong phơi nơi thoáng mát trong bóng râm, tốt nhất đem gieo ngay sau khi thu hái.

+ Hom thân lấy từ cây mẹ 2-5 tuổi trở lên. Cắt từng đoạn hom từ 20-30cm, mỗi đoạn có 2-4 mắt chồi, cắt bỏ 1/2-1/3 lá. Cắt đến đâu giâm đến đấy.

+ Hạt và hom đều gieo hoặc cắm theo rạch, cách nhau 10-15cm, sâu 5-6cm, lấp kín hạt và gốc hom. Tủ rơm rạ kín mặt rạch, tưới nước đủ ẩm, giữ bỏ rơm rạ khi hạt mọc hoặc hom ra chồi. Che phên 40-50%, tiếp tục tưới nước đủ ẩm và chăm sóc đến khi cây con đủ tiêu chuẩn đem trồng.

- Trồng vào vụ xuân hoặc thu, chọn ngày râm mát, có mưa nhỏ.

+ Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt. Tiếp tục lấp đất mặt cao khỏi miệng hố 5-6cm, tủ lá cây hoặc cỏ khô kín mặt hố.

+ Làm cọc cho cây leo.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Điều chỉnh độ tàn che từ 0,4-0,5.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Sau khi trồng 3-4 năm trở lên mới bắt đầu thu hoạch.

- Thu hoạch vào mùa thu đông.

- Đào lấy thân rễ, cắt bỏ thân cành và rễ nhỏ, rửa sạch, thái mỏng, phơi khô.

THUỐC BỎNG (*Kalanchoe pinnata* (Lam.) Pers.)

Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae)

Tên khác: Cây sống đời, Trường sinh, Diệp sinh căn.

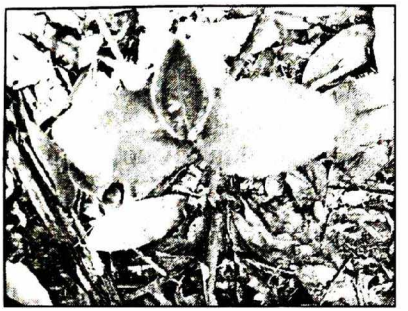

Mô tả: Cây thân thảo, thân tròn, nhẵn, có đốm tía. Lá mọc đối, nguyên hoặc xẻ 3 thùy. Phiến lá dày, mọng nước, có răng cưa tròn ở mép. Hoa hình xim, màu đỏ hoặc vàng cam. Quả đại.

Mùa hoa quả: Tháng 1-3.

Phân bố: Cây mọc hoang và còn được trồng để làm cảnh.

Đặc điểm sinh học

- Cây sống nhiều năm.

- Ưa khô, thường mọc hoang ở nơi đất khô cằn.

Bộ phận dùng: Lá.

Công dụng: Cây có tác dụng kháng khuẩn, dùng chữa bỏng, vết thương, lở loét, cầm máu, sưng đau, chảy máu, dùng làm thuốc giải độc.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng:*

- Chọn và làm đất: Chọn đất hơi khô, làm đất cục bộ theo hố, kích thước 20cm × 20cm × 20cm.

- Giống: từ hom thân. Hom thân lấy từ cây mẹ. Cắt từng đoạn hom từ 20-25cm. Cắt đến đâu giâm trên cát ẩm đến đấy.

Sau khi hom ra rễ đánh lên cấy vào bầu có thành phần 1/2 đất thịt trộn với 1/2 đất cát. Hàng ngày tưới nước đủ ẩm.

- Trồng: Thời vụ: Mùa xuân hoặc đầu mùa mưa khi đất đủ ẩm, có thể trồng ở vụ thu.

+ Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt, tủ lá cây hoặc cỏ khô kín mặt hố.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.

- Điều chỉnh độ tàn che từ 0,3-0,4.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hái quanh năm.

- Thường dùng tươi, lá tươi giã nhỏ hoặc chế thành dạng thuốc mỡ.

VÀNG ĐẮNG (*Coscinium fenestratum* (Gaertn.) Colebr.)

Họ Tiết dê (Menispermaceae)

Tên khác: Vang đằng, Hoàng đằng lá trắng, Dây mỏ vàng.

Mô tả: Dây leo, thân gỗ. Rễ và thân có màu vàng. Vỏ thân nứt nẻ, màu xám trắng. Lá mọc so le, có cuống dài, hơi đính vào trong phiến lá, 3-5 gân, mặt dưới có lông trắng bạc. Hoa nhỏ mọc thành chùm chùy ở những đốt thân có lá đã rụng. Quả hạch to, hình cầu.

Mùa hoa quả: Tháng 1-5.

Phân bố: Cây mọc hoang phổ biến ở vùng Nam Trung bộ, Đông Nam bộ, Tây nguyên và miền Trung.

Đặc điểm sinh học

- Ưa khí hậu mát, đất tơi xốp và thoát nước tốt.

- Thường gặp ở rừng thứ sinh nghèo kiệt, trảng cỏ cây bụi có cây gỗ rải rác.

Bộ phận dùng: Thân và rễ.

Công dụng: Chữa ỉa chảy, lỵ trực khuẩn, viêm ruột, vàng da, sốt, sốt rét, kém tiêu hóa. Dùng làm nguyên liệu chiết xuất becberin.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Chọn đất ẩm, thoát nước, tơi xốp.

- Nguồn giống:

+ Hom thân lấy từ cây mẹ 2-5 tuổi. Cắt từng đoạn hom từ 20-30cm, mỗi đoạn có 2-3 mắt chồi, cắt bỏ 1/2-1/3 lá. Cắt đến đâu giâm đến đấy.

+ Hom được cắm theo rạch, cách nhau 10-15cm, sâu 5-6cm, lấp kín gốc hom. Tủ rơm rạ kín mặt rạch, tưới nước đủ ẩm, giỡ bỏ rơm rạ khi hom ra chồi. Che phên 30-40%, tiếp tục tưới nước đủ ẩm và chăm sóc đến khi cây con đủ tiêu chuẩn đem trồng.

- Trồng:

+ Thời vụ: Mùa xuân hoặc đầu mùa mưa khi đất đủ ẩm, có thể trồng ở vụ thu.

+ Trồng theo hố hoặc theo rạch rộng 0,8-1m.

+ Làm đất theo hố, kích cỡ 30 × 30 × 30cm.

+ Đào đất đặt cây ngay ngắn, lấp đất đầy hố, nén chặt. Tiếp tục lấp đất mặt cao khỏi miệng hố 5-6cm, tủ lá cây hoặc cỏ khô kín mặt hố.

+ Làm cọc cho cây leo.

* *Chăm sóc*

- Phát dọn cây cỏ xâm lấn và vun xới quanh gốc.
- Làm cọc cho cây leo.
- Điều chỉnh độ tàn che từ 0,4-0,5.

Kỹ thuật thu hoạch và sơ chế

- Thu hoạch gần quanh năm.
- Thu hái thân và rễ. Hái về thái mỏng, phơi hay sấy khô.

Ý DĨ (*Coix lacryma* - jobi L.)

Họ Hòa thảo (Poaceae)

Tên khác: Bo bo, Hạt cườm.

Mô tả: Cây cỏ, mọc thành bụi. Thân cây mọc thẳng đứng với những đốt rõ rệt, nhẵn, ruột xốp. Lá hình dải, mọc so le, có bẹ, mép uốn lượn. Hoa đơn tính cùng gốc, mọc ở nách lá. Quả hình tròn hoặc bầu dục với vỏ cứng, màu nâu, hạt màu trắng ngà.

Mùa hoa quả: Tháng 5-12.

Phân bố: Cây mọc hoang và được trồng ở nhiều nơi.

Đặc điểm sinh học

- Cây sống lâu năm, đẻ nhiều nhánh.
- Cây dễ tính, ưa đất đồi núi với khí hậu ôn hòa. Cây vẫn sống tốt khi gặp hạn hán hoặc úng nước nhưng chất lượng hạt kém hơn.

Bộ phận dùng: Quả (thường gọi là hạt).

Công dụng: Chữa viêm phổi, viêm ruột, sỏi thận, tê thấp, nhức mỏi chân tay,... Thuốc bồi dưỡng cơ thể do có hàm lượng protid và lipid cao.

Cách trồng và chăm sóc

* *Cách trồng*

- Thời vụ trồng vào tháng 3-4.

- Nhân giống bằng hạt: chọn những hạt chắc mẩy, không có bệnh. Lọc hạt giống bằng cách ngâm hạt vào nước, những hạt chìm và có màu trắng là hạt giống tốt. Sau đó ngâm hạt giống vào nước ấm 35-40°C trong 3-4 giờ rồi vớt ra để ráo nước.

- Đánh luống cao 10-15cm. Đào những hốc thành hàng, mỗi hốc cách nhau 15-17cm. mỗi hàng cách nhau 40-45cm. Bón phân vào hốc.

- Gieo hạt vào hốc theo tỷ lệ 1-2 hạt/hốc (1 sào gieo 1kg hạt giống).

* *Chăm sóc*

- Khi cây lên cao 2-3 lá thì xới xáo, bón thúc để cây phát triển.

- Khi cây ra hoa thì phải rung cây để hoa đực và hoa cái thụ phấn được với nhau.

- Cần chú ý chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây.

Kỹ thuật thu hái và sơ chế

- Thu hoạch vào đầu mùa đông khi cây héo vàng và quả chuyển thành màu nâu nhạt.

- Cắt bông ý dĩ phơi khô, lấy hạt. Khi dùng, giã bỏ vỏ, lấy nhân. Dùng sống hoặc sao vàng.

Phần thứ ba

MỘT SỐ MÔ HÌNH TRỒNG CÂY THUỐC NAM THEO PHƯƠNG THỨC NÔNG LÂM KẾT HỢP Ở VÙNG NÚI THỪA THIÊN HUẾ

Vùng núi của Thừa Thiên Huế gồm hai huyện Nam Đông và A Lưới, có địa hình tương đối phức tạp, độ cao tuyệt đối trung bình từ 400 - 450 m so với mặt nước biển, nơi đây tập trung lượng mưa lớn trung bình từ 2800 - 3400mm/năm, có diện tích đất rộng nhưng diện tích lúa nước thấp so với bình quân chung của toàn tỉnh. Ngoài một số cây trồng cạn vùng này còn trồng được một số cây ăn quả như Cam, Chanh, Chuối, Dứa, Hồng,... và cây lâu năm như Quế, Tiêu, Cao su và cây lâm nghiệp như Keo và một số loài cây bản địa. Đây là vùng tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều kiến thức bản địa về cây thuốc nam. Sau đây là một số mô hình thường gặp ở khu vực:

1. Mô hình vườn quả hộ gia đình

1.1. Mô hình Cam (Chanh) + Quế

Cam (*Citrus sinensis* (L.) Osb.)

Chanh (*Citrus aurantifolia* (Christms.et Panz.) Sw.)

Quế (*Cinnamomum cassia* Presl.)

Là mô hình kết hợp giữa hai nhóm cây tầng cao và tầng trung bình, tầng cao (quế) và tầng trung bình (Cam chanh). Có thể trồng 2 hàng cam xen 1 hàng quế.

* *Cam (chanh):*

- Chọn giống cây xanh tốt, không vàng lá, đảm bảo tiêu chuẩn đúng giống. Thời vụ trồng có thể trồng vào vụ thu hoặc vụ xuân.

- Khoảng cách trồng: khoảng cách 6 m × 5m hoặc 5m × 4m, kích thước hố đào 40 × 40 × 40cm hoặc 60 × 60 × 60 cm. Lớp đất trên trộn đều với phân chuồng hoai khoảng 30 kg + 0,2 -0,5 kg phân lân + 0,1 -0,2 kg kali + 0,5 kg vôi, lấp hố trước trồng 15-20 ngày. Có thể dùng phân lân hữu cơ vi sinh 10kg/hố để thay thế. Vùng miền núi có thể dùng phân xanh để thay thế. Khi trồng đào giữa hố, đặt cây lấp đất, nén chặt và tưới nước.

- Bón phân: bón phân cho cam chanh tùy vào cấp tuổi, phân chuồng, lân và vôi bón lót, còn đạm và kali nên chia làm nhiều lần bón mỗi lần bón 30-35% so với tổng lượng cần bón/năm. Lượng phân bón cho cam chanh trong chu kỳ sản xuất ở các cấp tuổi như sau:

Tuổi cây	Phân chuồng (Kg/cây)	Phân vô cơ (kg/cây)		
		Urê	Lân	Kali
1-3	20-30	0,1-0,3	0,2-0,5	0,1
4-6	30-50	0,4-0,5	0,5-1,0	0,15
7-9	60-90	0,6-0,8	1,3-1,5	0,2
>10	100	0,8-1,6	2,0	0,25

Phương pháp bón chủ yếu: bón lót theo rãnh sâu 30 - 40cm, theo hình chiếu tán cây sau đó lấp đất.

- Chăm sóc: thường xuyên tưới nước sau trồng mỗi cây một thùng, thời kỳ khô hạn ít mưa nên 3-5 ngày tưới một lần.

Tạo tán: Đối với cây ghép cao 30-40 cm thì tiến hành bấm ngọn tạo cành cấp 1, khi cành cấp 1 dài 30-40 cm bấm ngọn tạo cành cấp 2, từ cành cấp 2 mọc ra cành cấp 3. Đối với cây trồng bằng cành chiết cắt bỏ cành tăm, cành bị sâu bệnh, cành vượt làm cho tán cây bị lệch. Thời kỳ sau đậu quả có thể bổ sung chất dinh dưỡng và các nguyên tố vi lượng bằng các loại phân bón lá như Thiên Nông, Tonix.

- Phòng trừ sâu bệnh: cam chanh thường gặp một số đối tượng sâu bệnh hại như: sâu vẽ bùa (*Phyllosnistis citrella*) có thể dùng Sherpa (0.1-0.2%), Monitor 0.1%, Decic 0.01%. Nhóm sâu đục thân cành như xén tóc *(Anoplophora chinensis)* hại nhiều vào tháng 4-6, có thể bắt sâu trưởng thành, sâu non có thể dùng dây thép để bắt, bơm thuốc vào lỗ đục. Dùng Monitor nồng độ 0.1-0.2 % hoặc Ofatox 2-3 %.

* *Quế:* Là cây lâu năm, tầng cao 18-20m, quế sinh trưởng tốt trong điều kiện khí hậu ẩm, lượng mưa cao, ưa đất sét pha cát, dễ thoát nước, tầng đất dày.

Cây quế ưa bóng khi còn nhỏ khoảng 3-4 năm đầu, sau đó yêu cầu về ánh sáng tăng dần.

Trồng xen giữa các hàng cam, chanh theo hàng với cự ly hàng cách hàng 5 m và khoảng cách cây 5-6m, có thể cách hai hàng cam trồng một hàng quế, trồng bằng cây con có bầu.

Chăm sóc trong 3 năm đầu, phát sạch cỏ dại, vun gốc cho cây 1-2 lần mỗi năm. Khi cây ra nhiều cành tiến hành tỉa cành để tạo thân thẳng. Chặt bỏ những cành bị bệnh tua mực.

1.2. Mô hình Cam (Chanh) + Gừng, nghệ

Cam (*Citrus sinensis* (L.) Osb.)

Chanh (*Citrus aurantifolia* (Christms.et Panz.) Sw.)

Gừng (*Zingiber officinale* Rosc.)

Nghệ vàng (*Curcuma domestica* Valet.)

Đây là thương thức trồng xen cây lâu năm và cây hàng năm với phương châm tận dụng khoảng không gian dinh dưỡng và ánh sáng khi cây chưa vào thời kỳ khép tán. Cam (Chanh) là cây lâu năm, có tán rộng. Gừng, Nghệ trồng xen giữa các hàng Cam (Chanh) theo luống. Thời gian trồng xen có thể kéo dài từ khi trồng Cam (Chanh) đến năm thứ 3 hoặc 4 tuỳ vào khả năng khép tán của Cam, Chanh.

Gừng, Nghệ trồng xen giữa các hàng Cam (Chanh) theo luống.

- Dọn sạch cỏ dại.

- Cuốc đất trồng Gừng sâu 20cm, đập nhỏ đất, vun thành luống. Chiều rộng luống có thể từ 50-100cm (tùy thuộc vào khoảng trống giữa các hàng Cam (Chanh), chiều cao luống từ 15-20cm, các luống chạy song song theo hàng của cây Cam (Chanh).

- Trên mỗi luống trồng cây theo kiểu so le, cây cách cây 20-30cm, hàng cách hàng 25-30cm. Đặt củ Gừng hoặc Nghệ xuống

đất đã chuẩn bị tới độ sâu 5-7cm, chú ý mắt chồi phải hướng lên trên. Lấp đất mịn phủ kín củ Gừng, Nghệ, nén chặt, sau đó phủ đất mịn bằng mặt luống.

- Phủ lớp ràng ràng hoặc lá mỏng, rơm rạ lên mặt luống để giữ ẩm.

- Sau khi Gừng, Nghệ nảy chồi làm cỏ và xới xáo nhẹ xung quanh gốc và vun đất vào gốc cây.

- Thường xuyên làm cỏ dại và vun đất nếu củ Gừng, Nghệ lộ ra trên mặt đất.

- Nếu đất xấu bón lót phân chuồng, bón thúc bằng phân NPK.

- Khi lá cây Gừng, Nghệ chuyển sang màu vàng, một số lá bắt đầu khô héo tiến hành thu hoạch.

1.3. Mô hình Cam (Chanh) + Dó bầu + Sả

Cam (*Citrus sinensis* (L.) Osb.)

Chanh (*Citrus aurantifolia* (Christms.et Panz.) Sw.)

Dó bầu (*Aquilaria crassna* Pierre)

Sả (*Cymbopogon citratus* (DC.) Stapf)

Cam (Chanh): trồng như mô hình 1.1.

* *Dó bầu:*

- Giống: Lấy ở những cây mẹ trên 12 tuổi, sinh trưởng tốt, tán đều, thân thẳng, không bị sâu bệnh. Thu quả vào tháng 6-7, ủ 2-3 ngày cho chín đều, phơi trong nắng nhẹ từ 12-14 giờ, tách vỏ, lấy hạt đem gieo ngay.

Gieo hạt lên luống, tưới nước đủ ẩm, cắm ràng che từ 50-60%. Định kỳ 4-5 ngày phun dung dịch Benlat 1 lần với nồng độ 0,5g pha với 1 lít nước, phun 1 lít/m^2.

Khi cây mạ cao từ 6-8cm, có 2-3 lá thì nhổ cấy vào bầu. Thành phần ruột bầu gồm 65% đất mặt + 14% phân chuồng hoai + 1% supe lân.

Tưới nước đẫm bầu trước khi cấy cây. Cắm ràng 50-60% trong 2 tháng đầu, 2 tháng sau giảm xuống 20-30%, tháng thứ 5 dỡ bỏ ràng. Thường xuyên tưới nước đủ ẩm, làm cỏ, phá váng.

Cây con đạt trên 12 tháng tuổi, cao trên 40cm, sinh trưởng tốt, thân thẳng, không bị sâu bệnh là đủ tiêu chuẩn đem trồng.

- Trồng:

+ Chọn nơi đất dày, ẩm, thoát nước. Trồng theo hàng xen giữa các hàng Cam, Chanh với cự ly hàng cách hàng 5 m và khoảng cách cây 5-6m.

+ Đào hố kích thước 40x40x40cm, bón lót 250-300g NPK (2:1:1) cho 1 hố, lấp hố trước khi trồng 10-15 ngày.

+ Thời vụ trồng: đầu hoặc giữa mùa mưa, vào những ngày râm mát, mưa nhỏ.

- Chăm sóc: Làm cỏ, vun gốc trong 4-5 năm đầu. Bón thúc 50g phân NPK (2:1:1) mỗi năm 1 lần trong 3 năm đầu.

Có biện pháp phòng chống sâu bệnh.

** Sả:*

- Thời vụ trồng: bất kỳ thời điểm nào trong năm, nhưng tốt nhất là vào mùa xuân.

- Giống: Tép sả có tuổi trên 1 năm, cắt bỏ lá, chừa một phần bẹ lá.

- Cuốc, đánh tơi đất, loại sạch cỏ dại, lên luống cao 20-30cm theo hướng dốc, luống rộng 45-50cm (trồng 1 hàng) hoặc 1m (trồng 2 hàng, hàng cách hàng 80cm), bố trí giữa các hàng Cam (Chanh). Cuốc hốc cách hốc 50cm, lót phân chuồng hoai mục, lấp đất.

- Mỗi hốc trồng 2-3 tép, nén chặt gốc, tưới đủ ẩm.

- Chăm sóc: Sau 1 tháng kiểm tra dặm những bụi cây chết. Nhổ cỏ, xới xáo, vun gốc và tưới đủ ẩm vào những ngày khô hạn.

1.4. Mô hình Cam (Chanh) + Tiêu + Đinh lăng

Cam (*Citrus sinensis* (L.) Osb.)

Chanh (*Citrus aurantifolia* (Christms.et Panz.) Sw.)

Tiêu *(Piper nigrum* L.):

Đinh lăng (*Polyscias filicifolia* Bail.)

* *Cam, Chanh:* trồng như mô hình 1.1.

* *Đinh lăng:* Trồng chủ yếu ven vườn, nơi có đất trống, có thể trồng làm hàng rào. Kỹ thuật trồng như hướng dẫn ở phần thứ hai.

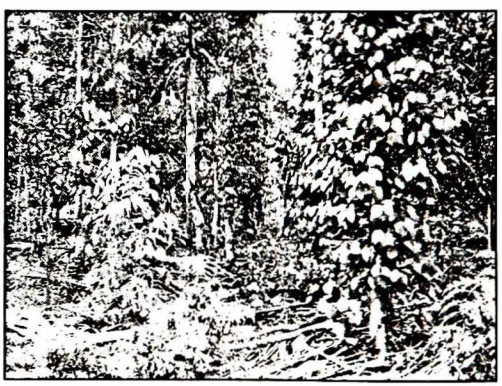

* *Tiêu:*

- Dọn sạch cỏ, cày sâu bừa kỹ, xử lý đất bằng Furadan 3H từ 20-30kg/ha. Trước khi trồng 3 tuần phải xử lý vôi nếu đất chua (3tấn/ha lúc bừa lần cuối).

- Choái: có thể dùng cây Thừng mức, Cau, Mít, nếu dùng choái sống phải trồng trước 2-4 năm.

- Đào hố trồng: cách choái 20-25cm, kích thước hố 60 × 60 × 50cm. Lớp đất trên trộn với 10-20 kg phân chuồng hoai, 0,3-0,5 kg lân, lấp hố trước trồng 20 ngày.

- Giống tiêu: Hom tiêu có thể lấy từ cành tược hoặc cành lươn trên cây mẹ khoẻ, hom từ 5-6 đốt, có 3-4 đốt được vùi trong đất.

- Trồng tiêu: đào lại ở giữa hố, đặt cây cách choái 15-25cm, nghiêng 40-60 độ hướng về choái, lấp đất nén chặt và tưới nước. Mùa khô nên che tủ gốc che nắng cho tiêu. Thời vụ trồng thích hợp là vào đầu mùa mưa hoặc từ tháng 10-12 dương lịch.

- Bón phân:

Tuổi cây	Phân chuồng kg/cây	Phân vô cơ (kg/cây)		
		Urê	Lân	Kali
Năm 1	10-15	0.15	0.25	0.08
Năm 2	15	0.20	0.30	0.12
Trên 3	15	0.30 - 0.40	0.45 - 0.60	0.20 - 0.25

Đối với tiêu nhỏ hơn 3 tuổi lượng phân chuồng và phân lân thường bón lót toàn bộ, còn lượng đạm và kali thường được bón vào trước trồng và sau trồng, đầu mùa mưa, giữa mùa mưa và cuối mùa, mỗi lần bón 1/3 lượng phân đạm và kali. Đối với tiêu từ năm thứ 3 trở đi cần lưu ý bón lúc có mầm hoa, hình thành quả và khi nuôi quả, mỗi lần bón khoảng 1/3. Phương pháp bón: bón theo rãnh sâu 5-15 cm, sau đó lấp đất cách gốc tiêu 30-50cm.

- Các biện pháp chăm sóc: tiến hành trồng dặm, làm giàn che bằng liếp để che bóng và tủ gốc.

Cắt tỉa cành, tạo khung tán. Tán tiêu có hình trụ tròn, tiến hành buộc thân tiêu vào choái khoảng 7-10 ngày một lần. Để tạo hình ít thân cắt nhiều lần và tạo hình nhiều thân cắt ít lần. Cắt tỉa hoa năm thứ 2 để tập trung dinh dưỡng nuôi cây, nuôi cành Vào thời kỳ kinh doanh cần làm cỏ xới xáo, vun gốc, xén tỉa cành, lá hoa và giữ ẩm.

Phòng trừ sâu bệnh: tiêu bị nhiều sâu bệnh hại, tiêu biểu nhất là bệnh do tuyến trùng hại, có thể dùng một số loại thuốc Mocap 10G với 30g/gốc, Furadan 3H 30g /gốc có tác dụng ức chế.

- Thu hoạch chế biến bảo quản: khi chùm quả có một vài quả chín (bắt đầu thu từ tháng (6-8), thu cả buồng vào ngày nắng ráo. Tiêu thu về chất đống ủ trong 5giờ rồi đem phơi nắng cho hạt héo đi và trở nên đen, sau đó dồn lại đập cho quả rời buồng, sau khi tách hạt ra khỏi buồng thì phơi cho thật khô, độ ẩm hạt đạt 10-12%, sàng sảy 2 lần cho sạch hạt lép rồi cho vào bao bảo quản.

1.5. Mô hình Hồng + Quế + Dứa

Hồng *(Diospyros kaki* L.)

Quế (*Cinnamomum cassia* Presl.)

Dứa (*Ananas comosus* Lour)

* *Hồng:*

- Thời vụ trồng tốt vào tháng 11 - 12.

- Khoảng cách trồng 5 × 5m hay 8 × 8m, hố đào với kích thước 0.6 × 0.6 × 0.6m, đất tốt trồng thưa, đất xấu trồng dày. Hồng thường trồng ở vùng đồi, nếu đất dốc trên 10^0 trồng theo đường đồng mức.

- Đốn tạo hình và tạo quả: cây hồng sau khi trồng đã phải tạo hình ngay, chỉ nên giữ lại thân chính cao 80-100cm. Các cành cắt cụt hết để cây "tức" bật ra những cành khoẻ từ thân

chính, nên duy trì 3-4 cành khoẻ mọc ra từ thân chính, mỗi cành cấp 1 để 2-3 cành cấp 2.

- Bón phân, làm cỏ: lượng bón trung bình cho một cây trong một vụ thu hoạch: đối với cây dưới 5 tuổi phân chuồng bón 20 kg/cây, bón cho 1ha: 35kg N, 20kg P_2O_5, 30kg K_2O. Cây hồng yêu cầu đất thông thoáng nên phải xới xáo giữa hai hàng cây, đặc biệt là đối với đất thịt nặng.

* *Dứa:*

- Chồi được lấy ở cây mẹ xanh tốt, có trọng lượng quả lớn, phiến lá rộng màu xanh đậm không có sâu bệnh. Dứa có thể trồng quanh năm nhưng tốt nhất là vào vụ đông xuân tháng 12-2. Mật độ trồng: Với khoảng cách 30 × 30 x120cm có mật độ cây 1800 -2000 chồi /sào ($500m^2$).

- Bón phân, chăm sóc: Lượng bón bình quân cho một cây trong một vụ thu hoạch: Phân chuồng 0,2 - 0,3kg + 0,02kg urê + 0,02 kg phân supe lân + 0,025 kg sulfat kali.

Bón lót: Toàn bộ phân chuồng + toàn bộ phân lân + 1/4 lượng đạm +1/4 lượng kali.

Bón thúc: 1/4 lượng đạm + 1/4 lượng kali cho mỗi lần bón. Thúc lần 1: sau trồng 2-3 tháng; thúc lần 2: sau lần bón đầu 2-3 tháng; thúc lần 3: trước xử lý axetylen 2- 3 tháng.

Cách bón: Xới nông hai bên hàng kép cách gốc 15- 20cm. Bón kali và đạm vào nách lá sát gốc. Hoà tan urê thành dung dịch 3- 5% phun cho dứa.

- Chăm sóc: Làm sạch cỏ, xới xáo, giữ ẩm vun gốc cho cây.

- Phòng trừ sâu bệnh:

+ Rệp sáp: Môi giới truyền bệnh héo lá dứa

Xử lý: Sử dụng các loại thuốc trừ rệp: Trebon 10ND pha với nước tỷ lệ 0.002%. Phun từ 2- 3 lần, mỗi lần cách nhau từ 7- 10 ngày, trước thu hoạch quả 25- 30 ngày dừng phun.

+ Tuyến trùng: Hại rễ, vàng lá, cây chậm phát triển. Biệ pháp phòng trừ chủ yếu là vệ sinh vườn, diệt sạch cỏ dại, chốn úng, luân canh. Dùng Mefutox 1 - 3 gói trên gốc.

+ Bệnh thối nõn dừa (dứa Na hoa mẫn cảm với bệnh nà nhất). Sử dụng Thiruram (TMTD), pha 0.2% phun cho dứa từ 3 lần cách nhau 5 - 7 ngày.

- Rải vụ thu hoạch dứa:

+ Cây đạt tiêu chuẩn để xử lý: Sau trồng từ 8- 12 tháng kl cây đạt: 28 - 30 lá thật (dứa hoa), 40- 50 lá thật (dứa ta, dú Cayen).

+ Cách xử lý: Một lít nước hoà 4-5 g đất đèn, mỗi cây dùn 50ml dung dịch này đổ vào nõn dừa. Dứa Phú Thọ xử lý 1, 2 lầ cách nhau 1 ngày. Dứa Cayen xử lý 2 - 3 lần, sau xử lý 1 - 2 gi không có mưa mới có hiệu quả.

+ Thu hoạch: Dứa chín rất nhanh, nếu thu hoạch không kị thời dễ dàng bị thối nát hư hại. Nhưng nếu thu sớm, hàm lượn đường thấp ảnh hưởng không tốt đến phẩm chất. Thời gian thu hoạch tốt là khi quả xanh nhạt và bắt đầu có một vài mắt ở đá có màu vàng hoa. Khi mắt đã mở hết "Mắt tiều trinh, mình bánl rán" theo dân gian đủ tiêu chuẩn cho ta thu hoạch.

** Quế:*

Để đảm bảo ánh sáng cho cây ăn quả, chỉ trồng xen rải rác cây quế ở mép ngoài cùng, tạo thành hàng rào bảo vệ xung quanh vườn. Trồng như mô hình 1.1.

2. Mô hình vườn rừng

2.1. Mô hình trồng Quế kết hợp với cây nông nghiệp

- Làm đất trồng Lúa nương và tiến hành trồng Quế trong năm đầu với mật độ 2500-5000 cây/ha.

- Năm thứ hai trồng Sắn để che cho Quế.

- Chăm sóc Quế ít nhất trong 3 năm đầu: phát sạch cỏ dại, vun gốc cho cây 1-2 lần mỗi năm.

- Khi Quế ra nhiều cành cần tỉa cành, chặt những cây, cành bị bệnh tua mực.

2.2. Mô hình Cao su + Nghệ, Gừng

* *Cao su: (Hevea brasiliensis* Muell*):*

Từ hơn mười năm trở lại đây Cao su tiểu điền được trồng phổ biến ở Thừa Thiên Huế. Diện tích Cao su ngày càng được mở rộng, đây là cây đã được người dân chấp nhận và là cây đem lại hiệu quả kinh tế hiện nay. Cây Cao su là loài cây gỗ mọc nhanh, thường rụng lá, ưa sáng ngay từ nhỏ và không chịu được khô hạn kéo dài, đòi hỏi tầng đất dày, đối với vùng miền núi người ta nên trồng Cao su với đất dốc nhỏ hơn 15° trở xuống, diện tích này cần phải che phủ bề mặt.

Khoảng cách trồng Cao su hàng cách hàng 6m, cây cách cây 3m. Với khoảng cách này mật độ cây 500-555 cây/ha, sau đó đốn tỉa cành xuống còn 450 cây/ha. Đào hố kích thước 60cm × 60cm x60. Cách trồng Stump. Nhu cầu của cây Cao su về các chất khoáng dinh dưỡng N, P, K trong đất tương đối cao, lượng dinh dưỡng bón trong thời kỳ kiến thiết cơ bản:

Mật độ	Loại đất	Năm trồng	N (g/gốc)	P_2O_5 (g/gốc)	K_2O (g/gốc)
555 cây/ha	Xám	1	41	43	16
		2	83	89	27
		3	124	121	43
		4	166	151	54
		5	207	178	65
		6	207	178	65
		7	207	178	65

Chăm sóc cây Cao su khi còn nhỏ bằng cách trồng các cây che phủ đất họ Đậu, chủ yếu trong giai đoạn chưa khai thác mủ. Có thể trồng xen các loài cây nông nghiệp ngắn ngày dưới tán rừng Cao su như Lúa nương, Ngô, Đậu đỗ các loại.

* *Nghệ, Gừng:* Có thể trồng xen trên luống giữa các hàng Cao su, các luống chạy theo đường đồng mức. Cách trồng giống như hướng dẫn ở phần thứ hai.

2.3. Mô hình Keo tai tượng + Nghệ, Gừng

* *Keo tai tượng:*

- Giống và tạo cây con: Thu hạt giống ở những cây từ 6-7 tuổi. Chọn những cây thân thẳng, cành nhánh nhỏ, tán lá cân đối không bị sâu bệnh để lấy giống. Thu hái quả vào tháng 5, phơi trong bóng râm cho đến khô, đập vỏ tách hạt, sàng bỏ tạp chất.

Xử lý hạt bằng nước sôi 100°C trong 30 giây, rửa sạch ngâm vào nước lạnh 12 giờ, vớt ra, rửa sạch, gieo lên luống hoặc ủ hạt 2-3 ngày rồi chọn hạt nứt nanh gieo trong bầu. Cây mầm được 3 lá, nhổ cấy vào bầu. Ruột bầu gồm đất đất nhỏ, trộn 2,5kg supe lân vào 100kg đất.

Tưới đẫm bầu trước khi gieo hoặc cấy cây, sau khi gieo hàng ngày tưới đủ ẩm, 15 ngày nhổ cỏ, phá váng 1 lần và tưới thúc đạm urê nồng độ 0,1%, liều lượng 4 lít/m^2.

- Trồng:

+ Có thể trồng trên đất phèn, đất xám hoặc đất đồi núi trọc. Xử lý thực bì, cuốc hố 30 × 30 × 30cm, bón lót 100g supe lân hoặc 200g phân hữu cơ vi sinh cho 1 hố, lấp hố trước khi trồng 15-20 ngày.

+ Mật độ trồng rừng lấy gỗ 1.100 cây/ha (3m × 3m) hoặc 1.650 cây/ha (3 × 2m), trồng phủ xanh kết hợp lấy gỗ 2.200 cây/ha (2 × 2,5m).

- Chăm sóc: 3 năm đầu, năm thứ nhất 2 lần, năm thứ hai 3 lần, vun xới quanh gốc và phát luỗng cây cỏ xâm lấn. Năm thứ ba kết hợp tỉa thưa để lại 800-1000 cây/ha.

* *Nghệ, Gừng:*

- Chọn những nơi đất tốt, độ ẩm cao.

- Thời vụ trồng: vụ xuân hoặc vụ thu.

- Luỗng phát dây leo, bụi rậm, làm cỏ. Vun gọn thành các băng chạy song song theo đường đồng mức.

- Điều chỉnh độ tàn che của rừng cho phù hợp (dưới 0,7), tốt nhất nên trồng trong 2 năm đầu khi keo chưa khép tán.

- Làm đất theo luống giữa các hàng keo chạy song song với đường đồng mức với kích thước rộng 50-100cm, cao 15-20cm, sâu 15-20cm.

- Trên luống đào những hốc cách nhau 30-40cm, ở vùng đồi hoặc núi thoai thoải thì không cần đánh luống mà chỉ cần đào hốc để trồng gừng.

- Kỹ thuật trồng: như hướng dẫn ở phần thứ hai.

2.4. Mô hình Keo tai tượng + Ba kích và một số loài cây thuốc nam khác (sâm bồng, đinh lăng, nghệ đen,...)

* *Keo tai tượng:* trồng như mô hình trên.

* *Cây dược liệu:*

- Chọn những khu rừng có đất tốt, độ ẩm cao.

- Luỗng phát các loài cây bụi, dây leo.

- Điều chỉnh độ tàn che của rừng cho phù hợp.

- Làm đất cục bộ theo hố, kích thước trung bình 20cm × 20cm × 30cm (tùy thuộc từng loài cây).

- Trồng bổ sung những loài cây dược liệu có giá trị kinh tế như Ba kích, Sâm bồng, Đinh lăng, Nghệ đen,...

3. Mô hình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung cây dược liệu

Thực bì: rừng thứ sinh nghèo kiệt, rừng phục hồi sau nương rẫy.

- Luỗng phát dây leo bụi rậm, chặt bỏ các loài cây cong queo, sâu bệnh, có giá trị kinh tế thấp để mở rộng dinh dưỡng cho tầng cây tái sinh là cây gỗ và tạo điều kiện cho những loài cây cho lâm sản ngoài gỗ sinh trưởng và phát triển (Mây nước, Mây voi, Mây tắt, Lá nón,...)

- Điều chỉnh mật độ, tổ thành loài cây tái sinh phù hợp với mục đích kinh doanh là tăng giá trị kinh tế kết hợp phòng hộ của rừng. Các loài cây tái sinh được ưu tiên xúc tiến tái sinh là Dẻ, Chân chim, Gụ lau, Vạng, Trâm, Trám, Gội, Huỳnh, Ươi,... Kỹ thuật tác động là đánh tỉa, di chuyển cây tái sinh, sửa tỉa cành nhánh, tạo tán cây tái sinh.

- Trồng bổ sung các loài cây dược liệu dưới tán:

+ *Trồng ba kích dưới tán rừng tự nhiên:* những dạng rừng thứ sinh nghèo kiệt, rừng khoanh nuôi phục hồi có độ tàn che thích hợp đều có thể tiến hành trồng xen cây Ba kích. Tùy theo hiện trạng thực bì của đối tượng rừng mà quyết định trồng theo băng, theo ô hay theo đám. Nếu trồng theo băng thì băng chừa rộng 2-3m, còn băng chặt rộng 1-2m được phát dọn sạch thực bì rồi cuốc hố trồng Ba kích trên đó. Trồng theo đám là chọn những khoảng rừng có độ tàn che thích hợp rồi trồng rải rác cây Ba kích vào đó.

+ *Trồng Sa nhân dưới tán rừng tự nhiên:* Chọn những nơi đất ẩm, thoát nước tốt, đào hố kích thước 20cm × 20cm × 30cm, đặt hom sâu 7-10cm, sau đó lấp đất, nén nhẹ và tưới nước vào gốc, phủ cỏ xung quanh gốc. Khi trồng để chồi non nhô lên trên mặt đất.

+ *Trồng bổ sung các loài cây dược liệu khác:* Làm đất cục bộ, đào hố kích thước 20cm × 20cm × 30cm; trồng bổ sung những loài cây dược liệu có giá trị kinh tế như Bách bộ, Lá khôi, Lan kim tuyến, Bổ béo, Bách bệnh, Chè dây, Vàng đắng, Thiên niên kiện, Bình vôi,...

Phần thứ tư
MỘT SỐ BÀI THUỐC ĐƯỢC NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG SỬ DỤNG

1. Chữa bệnh cho người

- Dùng củ Sâm đại hành và trái sung giã nhỏ, sao vàng, hạ thổ, đổ rượu vào và đội lên đầu, làm liên tục như vậy trong một tháng *chữa viêm xoang.*

- Dùng cây Cỏ hôi rửa sạch giã lấy nước trước khi đi ngủ nhỏ vào mũi, đồng thời dùng cả cây sắc nước uống *chữa viêm xoang.*

- Dùng một hòn gạch nướng chín, rắc muối lên, đổ nước tiểu vào, rải ngải cứu lên, trải khăn và kê đầu lên nằm *chữa nhức đầu.*

- Dùng củ Ráy tía sắt mỏng, phơi khô, rang vàng, hạ thổ, ngâm rượu uống một ly nhỏ hoặc nấu nước uống thường xuyên *chữa đau cột sống, đau lưng, đau khớp.*

- Lấy rễ hoặc thân cây Gối hạc chặt nhỏ, sao vàng, hạ thổ, ngâm rượu hoặc nấu nước uống hàng ngày *chữa thấp khớp.*

- Phụ nữ mang thai từ 3 tháng trở lên: Dùng lá Ngải cứu phơi khô nấu nước uống đến trước khi sinh một tháng thì ngưng, khi nấu bỏ một quả trứng gà. Uống một ly nước Ngải cứu, ăn một quả trứng gà có tác dụng an thai, tránh con sài, con ghẻ, da dẻ trắng trẻo và phòng sẩy thai.

- Dùng cây Nghệ đen sắt phơi khô, nghiền tán thành bột, dầm với mật ong, ăn trước bữa ăn. Hoặc khi đau bụng, đi kiến, ỉa chảy thì nhai uống nước *chữa bệnh viêm đại tràng, dạ dày.* Chú ý những người bị chướng bụng thì không nên dùng.

- *Trẻ em bị ho*: Dùng hoa Đu đủ đực chưng với đường phèn cho uống hoặc củ Ném + lá Hẹ + đường phèn chưng lên cho ăn. Có thể dùng Quất hoặc Chanh chưng với đường phèn rồi cho uống.

- *Trẻ sơ sinh bị trắng lưỡi, cổ khò khè*: Dùng cây Rau ngót giã lấy nước rà lưỡi.

- Dùng Sâm đại hành giã với muối bó hoặc ngải tướng quân nướng rồi bó *chữa trẻ em bị trặt chân, tay.*

- Dùng Bông dừa lửa hoặc cỏ Mần trầu sắc nước uống *cho người lớn bị huyết áp cao.*

- Lấy rễ cây Nhàu chặt nhỏ, sao vàng, hạ thổ, ngâm rượu hoặc nấu nước uống hàng ngày *chữa tiểu đường hoặc cao huyết áp.*

- Dùng hỗn hợp lá Tre, Sả, Chanh, Bưởi, Bạch đàn nấu nước xông kết hợp với ăn cháo nén *chữa cảm cúm, sổ mũi, nóng sốt.*

- Dùng lá và hạt cây Đậu săng sao vàng, hạ thổ, sắc uống *chữa bệnh sởi.*

- Dùng rễ cây Đinh lăng lá nhỏ (những cây từ 5 năm tuổi trở lên), thái nhỏ, sao vàng, hạ thổ, ngâm rượu uống *làm thuốc bổ.*

- Dùng rễ cây Hà thủ ô thái nhỏ, sao vàng, hạ thổ, nấu nước uống *bổ máu, xanh tóc.*

- Dùng rễ hoặc vỏ cây Đỗ cặn sao vàng, hạ thổ, ngâm rượu hoặc nấu nước uống chữa bệnh viêm gan.

- Dùng vỏ cây Chân chim tía (ngũ gia bì) nấu nước uống hàng ngày *có tác dụng giã rượu, mạnh gân cốt.*

- Dùng lá Vằng nấu nước *cho phụ nữ sau khi sinh.*

- Dùng thân, lá cây Chè dây, lá cây Khôi hoặc lá cây Đông nấu nước uống *chữa bệnh đau dạ dày.*

2. Chữa bệnh cho gia súc, gia cầm

- *Trâu bị bong gân:* Sâm đại hành giã với muối đổ thêm rượu + nước tiểu + lá ngải cứu, quyết nhỏ, sao lên và cột cho trâu.

- *Trâu bị sình bụng:* Tỏi, gừng, trầu không giã nhỏ, trộn thêm nước mắm, nước chè cho uống, đồng thời dùng trái bồ kết xông.

- *Lợn đau bụng:* Cho ăn lá chuối lùn hoặc lấy đọt ổi, cộng sản, hồng ngọc giã lấy nước cho uống.

- *Gà bị dịch:* Tỏi + gạo trộn với nước tiểu, để qua đêm, sáng đem cho gà ăn hoặc lấy củ nén giã nhỏ, vắt lấy nước trộn với gạo cho ăn.

- *Gà bị rù*: Tỏi + lá trầu không giã nhuyễn trộn với cơm cho ăn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn, 2002. *Trồng cây nông nghiệp, dược liệu và đặc sản dưới tán rừng*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn, 2005. *Kỹ thuật canh tác nông lâm kết hợp ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Phan Công Chung (chủ biên), 2005. *Hỏi đáp về trồng trọt và trang trại*. Nhà xuất bản Thanh Hóa.
4. Cục Khuyến nông và Khuyến lâm, 2002. *Kỹ thuật trồng một số cây ăn quả và cây đặc sản ở vùng núi thấp*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Cục Khuyến nông và Khuyến lâm, 2003. *Những điều nông dân miền núi cần biết (Tập 1)*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Võ Đại Hải, Nguyễn Xuân Quát, Hoàng Chương, 2003. *Kỹ thuật nuôi trồng một số cây con dưới tán rừng*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Giáp Kiều Hưng (chủ biên), 2004. *Trồng và sơ chế cây làm thuốc*. Nhà xuất bản Thanh Hóa.
8. Đỗ Tất Lợi, 2001. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.
9. Nguyễn Hoàng Nghĩa, 1997. *Bảo tồn nguồn gen cây rừng*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Nguyễn Xuân Quát, Phạm Ngọc Thường, Đặng Văn Thuyết, 2004. *Mô hình Lâm nghiệp xã hội ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Viện Dược liệu, 1990. *Cây thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

Phần thứ nhất. **Bảo tồn và phát triển cây dược liệu** 5

I. Những nhận thức chung 5

II. Mục tiêu, các nguyên tắc bảo tồn và phát triển tài nguyên cây dược liệu tại cộng đồng 13

III. Các biện pháp bảo tồn và phát triển cây dược liệu ở quy mô cộng đồng 14

IV. Kỹ thuật phục hồi và phát triển tài nguyên dược liệu 18

Phần thứ hai. **Kỹ thuật trồng một số loài cây thuốc nam** 25

Phần thứ ba. **Một số mô hình trồng cây thuốc nam theo phương thức nông lâm kết hợp ở vùng núi Thừa Thiên Huế** 88

Phần thứ tư. **Một số bài thuốc được người dân địa phương sử dụng** 103

Tài liệu tham khảo 106

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CAO DOANH
Biên tập và sửa bản in
THANH HUYỀN - MẠNH HÀ
Trình bày bìa
NGỌC ANH

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
6/167 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 8525070-8521940 Fax: (04) 5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP
58 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Quận I, TP Hồ Chí Minh
ĐT : (08) - 8297157 - 8299521 Fax: (08) 9101036

In 1.000 bản, khổ 15 × 21cm, tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp. Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 170-2006/CXB/9-28/NN do Cục xuất bản cấp ngày 7/3/2006. In xong và nộp lưu chiểu quý III/2006.

CÂY NHA ĐAM

CÂY BA KÍCH

CÂY LÁ KHÔI

CÂY MÍA DÓ